

production area. Ha Nam is one of the most important granaries in the region.

Post-Le dynasty, as Ming enemy intruded upon Vietnam, they imposed domination policy on politics and economics, plunging the economy of Dai Viet (the country of the Great Viet people) into bitter devastation. The kings under the pre-Le dynasty, after taking the throne, tried their best to recover and push up economic development of the country. Ha Nam province's agricultural production at the

King Le Thanh Tong, on a field trip, was so moved to see natural landscape and people of Ha Nam that he wrote down the following verses:

"Boys and girls in Ly Nhan

On the high dyke, spring coming soon, wind and rain going on

Local girls as beautiful as those in Yan and Qin countries, talking cheerfully

In the colourful scenery, sweet aromas overflowing at the spring", etc.

(Extracted from "Poetess of Ly Nhan")

post-Le dynasty, therefore, kept on with further growth.

The rosy period for Ha Nam land's handicraft trades fell into the 11th and 15th centuries. At the reign of Ly, the trades of carving stone, construction and architecture are popular with a series of pagodas, towers and stone steles in the province. Among them, Sung Thien Dien Linh pagoda is recognised a great Buddhist architectural work at the royal dynasty of Ly. Under the Tran reign, the craft villages of Nha Xa textile (Duy Tien), pottery, stone carving, stele engraving and carpentry continued to advance. At the post-Le reign, the handicraft showed the most comprehensive growth. The network of markets was larger than ever before, meeting the local people's increasing demand for commodity exchange and fine arts product consumption. Some Ha Nam-made products such as freestone altars, stone shrines, etc. have become favourite items. At the same time, the local resi-

dents also paid much concern about study and exams. Numerous people named Tran Thuan Du (Duy Tien), Nguyen Khac Hieu (Binh Luc), etc. were highly qualified and took over high positions at the court.

From the 16th century, Dai Viet got trapped in the critical crisis. Its economy was on the decline. Feudal forces rose up to fight for power. Consequently, local people were forced to lead an exceedingly miserable life. In such context, Ha Nam residents voluntarily contributed rice, bamboo, wood, etc. to the building of defence line and crossed rivers and springs to join in Tay Son army, helping to defeat Thanh aggressor and leave good names on the pages of national history in the spring of 1789.

Until the Nguyen dynasty, classes of Central and

From 1831, under the Ming Mang dynasty, Vietnamese administration structure at provincial level came into existence. However, at that time, Ha Nam still belonged to Ly Nhan chief town under the administrative unit of Ha Noi province. Ly Nhan chief town consists of five districts of Kim Bang, Duy Tien, Nam Sang, Thanh Liem and Binh Luc with 24 sub-districts and 217 communes and villages. Until October 20th 1890, Governor General of Indo-China published a decree to establish Ha Nam province from Ly Nhan chief town extending to Ha Noi and Nam Dinh. According to the decree dated October 24th 1908, Ha Nam merged Lac Thuy district from Hoa Binh province. At this time, the place name of Nam Sang turned into Ly Nhan chief town.

To 1913, Ha Nam province became Ha Nam agent under Nam Dinh province (in accordance with the Decree by Governor General of Indo-China dated March 7th 1913). Until March 31st 1923, Governor General of Indo-China issued another decree to re-establish the province.

local government officials were bureaucratized altogether. Corruption flourished. Natural disasters were in the usual run of things. Inevitably, people's life was sunk into destitution. In the first half of the 19th century, from the time of Gia Long (1802-1820), a load of peasant revolts in Ha Nam broke out. Among them, the revolt led by Cao Ba Quat spread out across Kim Bang district.

When French colonialists intruded Vietnam, together with the boiling hatred and spirit of undaunted struggle, Ha Nam people and those throughout the country rose to resist an aggression. Many of them heroically died for the national independence and freedom. Specifically, they are Dinh Cong Trang, Dinh Dinh Thuan (De Yem), Le Huu Cau, etc. The districts of Kim Bang, Binh Luc and Thanh Liem - the reliable revolutionary bases of Viet Minh troops - simultaneously rose to seize political power, making great contributions to the victory of August Revolution in 1945.

At the period of 1945-1975, Ha Nam residents were eager to participate in the resistance wars against French colonialists and American imperialists and set to form up material facilities for the socialist construction in the North and give assistance to the South. A series of organisations namely National Salvation Youth, National Salvation Women, National Salvation Farmers, Children Saving Country from Danger, Train Trade Union, Kien Khe Stone, Kim Bang Pottery, and so on were set up, launching extensive struggle movements across the province. Thousands of Ha Nam people voluntarily joined in the army and unyieldingly combated at battlefields. As a military area important and very difficult of access, Ha Nam is the place where Mr. Do Muoi, Mr. Hoang Quoc Viet, Mr. Tran Tu Binh set up revolutionary bases. Starting from the noisy emulation movements of "Five goods", "Three readiness", "Dai Phong season" campaign, and so on, Ha Nam Party Committee, authorities and people have leaped great success in the spring of 1975 together with the people nationwide.

Vigorous development at the renovation period (1997-2004)

After some mergence and divisions, to 1997, Ha Nam was officially re-established. Thoroughly grasping the guideline of the Eighth and Ninth National Party Congress Resolution, Ha Nam Party Committee, authorities and people have exerted themselves to follow renovation policy and boost economic development towards industrialisation and modernisation process.

Thanks to the sound leadership of the provincial Party Committee and government and the unanimity of people from all walks of life, Ha Nam's socio-economic picture has positively changed. Promoting existing potentialities and strengths concerning geographic location, natural resources, manpower, etc., Ha Nam has step by step seen vigorous growth and led its economy towards industrialisation and modernisation. The former rice fields of failure now give seat to the verdant ones, bringing about the yearly income of VND50-80 million per hectare. The paddy rice and rice arable areas, which are not productive, are replaced with high-yielding varieties of rice and profit-making cash crops. The industry and services grow fast. Infrastructure, socio-culture, physical education and sports, etc. have been improved. National defence and security and social safety order have been preserved. People's living standard visibly gets better. Utilising its potentialities on the basis of laid foundation, Ha Nam will inevitably appear an industrialised province, luring innumerable investors and tourists in the future.

In spite of existing difficulties and challenges, Ha Nam Party Committee, authorities and people will make all-out efforts to record further achievements in the future. The province targets to continue with cultural and historical traditions the forefathers took pains to shape up for thousands of years and add big triumphs to the golden pages of national history.

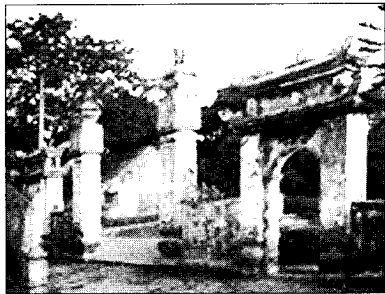
Di tích Lịch sử - Văn hoá

Trong diễn trình lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân Hà Nam đã gìn giữ, bồi đắp, sáng tạo nên kho tàng văn hoá vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú, đa dạng. Trong đó, các di tích lịch sử - văn hoá chiếm vị trí quan trọng. Hãy đến thăm các di tích lịch sử - văn hoá để thêm hiểu về mảnh đất và con người Hà Nam.

1. Đình Văn Xá

Đình Văn Xá thuộc thôn Văn Xá, xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, cách quốc lộ 62 khoảng 200 m. Qua ngọc phả, thần phả, sắc phong, truyền thuyết cùng các thư tịch văn bia còn lưu giữ, các vị thành hoàng được thờ ở Đình Văn Xá là ông Cao Văn Phúc và bà Từ Thị Lang cùng hai vị Thủy tế.

Đình Văn Xá được xây trên khu đất rộng tại trung tâm làng. Công trình gồm 2 toà kiến trúc theo kiểu chữ "Nhị", tất cả có 8 gian và hệ thống trụ cổng.



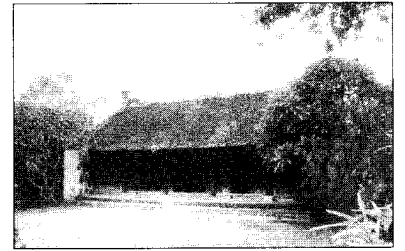
Đình Văn Xá thuộc thôn Văn Xá, xã Đức Lý, huyện Lý Nhân

Đình quay theo hướng tây nam. Thế đất cùng với nghệ thuật kiến trúc đã tạo cho di tích cảnh quan đẹp và hấp dẫn.

Đình còn giữ nhiều cổ vật quý như: ngai thờ hai vị thần rần,

nhệm làm quan dưới triều vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức.

Đình Triều Hội là nơi diễn ra cuộc biểu tình tuần hành thị uy của nông dân trong vùng vào ngày 20-10-1930. Đình Triều Hội được kiến trúc theo kiểu chữ Tam: tiền đường 5 gian, cung đệ nhị 5 gian và chính tẩm 3 gian. Đình Triều Hội được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1988.



Đình Triều Hội thuộc thôn Triều Hội, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục

Ảnh: Thế Tuấn

3. Đền Trần Thương

Ngôi đền thờ Đức Thánh Trần (Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn) cùng gia quyến

hương án cổ từ thời Hậu Lê, cổ kiêu mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII - XVIII, tấm bia "Song văn linh từ bi ký" gồm 2 bài văn bia ghi lại sự tích linh thần, 30 đạo sắc phong của các triều đình phong kiến từ thời Lê Trung Hưng đến thời Nguyễn dành cho ông Cao Văn Phúc và bà Từ Thị Lang cùng nhị vị Thủy tế Long Vương. Đình Văn Xá được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1962.

2. Đình Triều Hội

Đình Triều Hội thuộc thôn Triều Hội, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục. Đình thờ cúng hai vị thành hoàng làng, một vị là Cao Mang tôn thần là tướng tài nhà Trần. một vị là Trần Xuân Vinh, người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ được bổ

những chỗ tường hư hỏng, làm cửa xây tường khiến hơn 500 năm sau, một nơi thắng cảnh trong chốn rừng thâm lại được mới mẻ. Năm Tự Đức 13 (năm 1860), Chùa Đọi Sơn được nâng cấp, tu sửa thượng điện, tiền đường, nhà tổ, siêu hương, gác chuông, nghi môn.

Đến năm 1864, chùa tiếp tục được tu sửa hành lang, đúc tượng Di Lặc, đúc khánh đồng và đục khánh đá do sự tổ đời thứ 5 là Thích Chiếu Trường chủ trì xây dựng hoàn chỉnh, bao gồm 125 gian. Từ đó, chùa trở thành trường Bắc Kỳ Phật giáo. Ngôi chùa lúc này được dựng theo kiểu "nội công, ngoại quốc".

Chùa Long Đọi Sơn còn lưu giữ tấm bia Sùng Thiện Diên Linh và 6 pho tượng Kim Cương. Đây là những hiện vật rất quý đối với công tác nghiên cứu văn hoá Việt Nam cách đây gần một thiên niên kỷ.

Chùa Long Đọi Sơn được xếp hạng di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1992.

6. Đền Vũ Điện

Đền Vũ Điện, theo cách gọi dân gian là đền Mẫu. Đền nằm ở thôn Vũ Điện, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân.

Theo truyền thuyết của người dân địa phương, ngôi đền được xây dựng từ thế kỷ XV. Ban đầu, đền chỉ là ngôi miếu nhỏ tranh tre, nứa lá do người dân địa phương xây dựng. Sau khi có chiếu của Vua Lê Thánh Tông, ngôi miếu được sửa lại bề thế, khang trang. Đền được kiến trúc theo kiểu chữ tam



Đền Vũ Điện tại thôn Vũ Điện, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân

Trung Hưng được đúc vào năm Kỷ Mão, niên hiệu Chính Hoà năm thứ 20 (năm 1699); quả chuông đồng đúc vào thời Tây Sơn năm Cảnh Thịnh cửu niên (năm 1801) và pho tượng đồng tạc bà Vũ Thị Thiết (không rõ niên đại). Đền Vũ Điện được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1993.

khép kín. Qua nhiều lần trùng tu, đến nay, đền mang phong cách kiến trúc thế kỷ XIX. Trong đền còn lưu giữ một số hiện vật quý như: chiếc khánh thời Lê

7. Đền Trúc

Gọi là đền Trúc, vì ngôi đền tọa lạc trong khu rừng trúc rộng hàng chục mẫu ở thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng. Ngày nay, rừng trúc không còn nữa, nhưng bao quanh đền vẫn còn lớp trúc khá dày.

Ngôi đền nằm cạnh sông Đáy, nếu đi thuyền phải qua hơn chục bậc xây bằng gạch mới lên tới cổng đền. Cổng đền gồm 4 trụ đồng, hai cột chính ở giữa, hai cột nhỏ ở hai bên. Hai cột chính cao 6 m được chia thành 3 phần: phần dưới là khối chữ nhật, các mặt đều có gờ, chỉ tạo thành khung cân đối; phía trên là khối vuông, bốn mặt khắc nổi hình tứ linh; trên cùng là đôi nghê đắp



Đền Trúc
(thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng)

cân đối, quay mặt vào nhau. Qua sân gạch rộng 10 m là đền tiền đường gồm 5 gian, xây cao trên mặt sân được giạt thành 3 cấp, hai đầu hồi bit đốc. Ngôi đền được làm bằng gỗ lim. Ba gian hậu cung được xây dựng cùng phong cách với tiền đường. Ngăn cách giữa tiền đường với hậu cung là khoảng sân hẹp có tường nối, nhà bán mái và bể non bộ.

Đền Trúc thờ vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt - nhà quân sự kiệt xuất, tài thao lược lỗi lạc, đồng thời là nhà chính trị ngoại giao xuất chúng. Ông là tác giả của Bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng đầu tiên của dân tộc, linh hồn của triều đại nhà Lý trong hàng chục năm. Chủ trương xuyên suốt cuộc đời làm quan của ông là làm sao cho muôn dân hoà thuận, ấm no. Các bộ sử lớn trong nước đều khen ngợi ông là người "đốc sức, một lòng lấy sự yên xã tắc làm vui". Đền Trúc được xếp hạng di tích lịch sử và thắng cảnh cấp quốc gia năm 1994.

8. Đình đá An Mông

Đình đá An Mông nằm ở trung tâm xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên. Đình thờ Nguyệt Nga công chúa - nữ tướng của Hai Bà Trưng.

Theo truyền thuyết, Đình đá An Mông được xây dựng từ rất lâu đời ở bãi bồi cạnh bờ sông, chính trên khu sinh tử của bà Nguyệt Nga. Nhưng sau do sông lở nên phải dời đến xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên. Đến triều Nguyễn, toà tiền đường được xây lại bằng đá, còn toà đệ nhị và chính tẩm được làm bằng gỗ, mái lợp ngói nam. Đình có 3 toà được kiến trúc theo kiểu chữ công. Độc đáo nhất là toà



Đình đá An Mông thuộc xã Tiên Phong,
huyện Duy Tiên

Ảnh: Thế Tuấn

tiền đường bằng đá được làm theo lối chông rường, mè cốn, có 12 chiếc đại trụ (cột cái). Cột cái được làm bằng đá theo dáng búp dồng, ở giữa phình to,

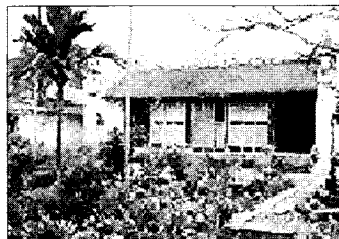
hai đầu thu nhỏ lại. Hệ thống cột cái, cột quân, cột hiên của đình đá có đến 30 chiếc lớn nhỏ, được chạm khắc công phu và tinh xảo.

Hiện nay, đình đá An Mông còn giữ nhiều đồ thờ tự có giá trị như: sập thờ, ngai thờ, kiệu bát cống, một số bức đại tự và nhiều kiếm thờ phục vụ các đội nữ binh trong những ngày lễ hội. Đình đá An Mông được xếp hạng di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1994.

9. Chùa Bà Đanh

Chùa Bà Đanh thuộc thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, cách thị xã Phủ Lý 10 km. Chùa nằm trong khuôn viên rộng và tĩnh mịch, xa làng xóm, soi bóng trên dòng sông Đáy, bên cạnh Núi Ngọc - ngọn núi cây cối xanh tốt bốn mùa.

Chùa Bà Đanh thờ Phật (Bồ Tát), Thái Thượng lão Quân, "Nam Tào, Bắc Đẩu" và Tam phủ, Tứ phủ - nét đặc trưng của trường phái đạo Phật Đại Thừa. Khởi



Chùa Bà Đanh thuộc thôn Đanh Xá, xã
Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng

nguyên, chùa còn thờ Tứ Pháp - một sản phẩm tin ngưỡng bản địa.

Quay mặt ra hướng nam sông Đáy, Chùa Bà Đanh bao gồm nhiều công trình với gần 40 gian (chưa kể hệ thống nhà cầu) đan xen hỗ trợ nhau. Theo tương truyền, ban đầu, ngôi chùa được xây dựng bằng tranh tre nứa lá rất đơn sơ. Đến năm Vĩnh Trị, đời Lê Hy Tông (1675 - 1705), chùa mới được xây dựng khang trang, rộng rãi, cảnh chùa trang nghiêm, thanh tịnh. Chùa Bà Đanh được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1994.

10. Đình và chùa thôn Châu

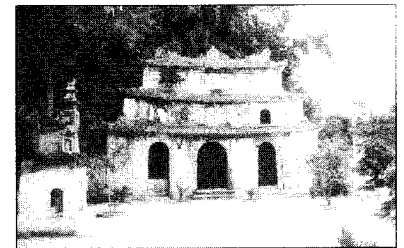
Từ thị xã Phủ Lý đi về phía Ninh Bình, theo quốc lộ 1A 2 km, rẽ phải theo đường qua cầu Đọ về Châu Sơn 4 km là đến di tích đình và chùa thôn Châu. Đình và Chùa thôn Châu được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1994.

10.1. Đình Thôn Châu

Đình Thôn Châu thuộc thị trấn Kiên Khê, huyện Thanh Liêm. Đình thờ Điện súy Tướng quân Phạm Ngũ

Lão - danh tướng đời Trần, dũng tướng gần 30 năm phò các vua Trần như Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Minh Tông.

Đình Thôn Châu nằm quay mặt ra sông Đáy. Ngoài cùng là hệ thống ngũ môn được làm theo kiểu chông diêm ba tầng, mái cong. Cách khoảng sân rộng là công trình chính được kiến trúc theo kiểu chữ "Tam" bao gồm: 5 gian tiền đường, 5 gian toà đệ nhị và 3 gian cung chính tẩm. Tổng số có 13 gian lợp ngói nam, có bờ bằng kim nóc, đồng trụ hài hoà, trang trí công phu. Đình Thôn Châu là ngôi đình lớn, dài 18m, rộng 10,7 m, được tạo dựng bằng gỗ lim. Đình có nhiều đồ thờ có giá trị như 2 cỗ ngai của thời Hậu Lê, hương án mang phong cách nghệ thuật đời Nguyễn, bộ bát kiệu, kiệu bát cống, sơn son thếp vàng - biểu hiện của nghệ thuật sơn thếp độc đáo truyền thống của dân tộc.



Đình Thôn Châu thuộc thị trấn Kiên Khê,
huyện Thanh Liêm

Ảnh: Thế Tuấn

10.2. Chùa Châu Sơn (hoặc Long Sơn)

Chùa có tên là Châu Sơn (ngôi chùa trên núi Châu) hoặc Long Sơn (chùa núi rồng). Chùa nằm sâu trong vách đá, ngay bên cạnh cửa hang của động Phúc Long trên núi Chùa. Theo văn bia Chính Hoà thứ 11 (năm 1690) đục tại vách đá, đây là bia ghi công đức Pháp Bản thiền sư cùng dân thôn bốn giáp tu sửa tượng pháp và hoạch định lại ruộng đất tam bảo. Điều đó chứng tỏ, chùa được xây dựng từ khá sớm, nhưng chủ yếu dựa vào hình dáng thiên tạo. Hiện nay, chùa có 3 toà, kiến trúc theo kiểu tiền chữ nhất, hậu chữ đình, tổng số có 10 gian xây cuốn. Ngoài cùng là gác chuông 3 gian làm



Chùa Châu Sơn

theo kiểu chống diêm mái cong, ngói ống, cột đồng trụ và bờ bảng theo phong cách cổ truyền. Chùa Châu quay hướng nam, phía tây giáp 3 gian đền thờ Phạm Ngũ Lão. Phía trước có 2 toà phủ đứng biệt lập thờ Thủy Tinh phu nhân và Bạch Hoa công chúa, gồm 5 gian. Như vậy, cả khu vực chùa gồm 30 gian lớn nhỏ. Chùa Châu có nhiều tượng, tuy không thật lớn nhưng rất đẹp như: tượng Tam Thế, tượng A Di Đà, tượng Di Lặc, tượng Tuyết Sơn, tượng Kim Cương. Ngoài ra, chùa Châu còn có một số đồ thờ bằng đá như bát hương, mâm đồng, bình hương được làm công phu, dáng đắp và hoa văn thể hiện trình độ tay nghề cao và óc sáng tạo của các nghệ nhân.

11. Từ đường Lương Quận Công

Từ đường Lương Quận Công thuộc xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, thờ Lương Quận Công Trần Như Lân. Đây là ngôi nhà thờ 5 gian được xây dựng theo phong cách cổ truyền. Nền cổng được xây bậc tam cấp. Hai bên cổng là hai cột đồng trụ, xây nhô ra ba mặt, phía trong gắn liền với tường. Lối ra vào cổng phía trên được xây vòm cuốn theo hình bán nguyệt. Qua cổng theo lối nhỏ là vào tới con đường chính dẫn đến nhà thờ. Ngôi nhà thờ ba mặt xây tường gạch, đằng trước là hệ thống cửa gỗ lim chạy suốt 5 gian. Hai đầu hồi xây tường phía trên đắp bằng, mặt ngoài

đắp hồ phù. Biểu tượng này cho thấy những nhân vật được thờ ở đây mang nhiều chất võ công hơn là văn trị.

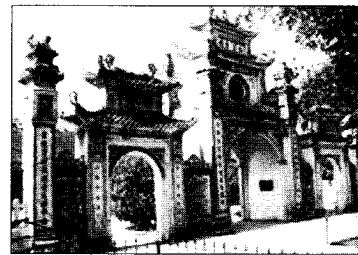
Từ đường Lương Quận Công hiện còn

giữ được nhiều đồ thờ tự bằng chất liệu gỗ, kim loại, đồ gốm sứ, đá, vải... Đặc biệt, tất cả các đồ thờ bằng gỗ đều được sơn son thếp vàng. Từ đường Lương Quốc Công được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1995.

12. Đền Lảnh Giang

Đền Lảnh Giang thuộc thôn Yên Lạc, xã Mộc Nam (huyện Duy Tiên) bên hữu ngạn sông Hồng. Đền Lảnh Giang thờ 3 vị tướng thời Hùng Duệ Vương.

Đền Lảnh Giang là công trình kiến trúc quy mô, mang đậm phong cách cổ truyền của dân tộc. Tổng thể kiến trúc gồm 3 toà với 14 gian lớn nhỏ làm theo kiểu chữ Công. Hai bên có nhà khách, mặt bằng được xây dựng theo kiến trúc "nội công, ngoại quốc". Đặc biệt, toà Trung đường làm theo kiểu chống diêm hai tầng, tám mái cong đã được bàn tay khéo léo của các nghệ nhân đục, chạm, gọt, tỉa, tạo nên các mảng chạm khắc với các đề tài tứ linh (long, ly, quy, phượng) vừa cổ kính trang nghiêm vừa thanh thoát, sinh động. Trong quần thể di tích đền Lảnh Giang còn có đền Cửa Sông (đền Cờ) - công trình kiến trúc đồ sộ làm theo kiểu chống diêm mái cong lợp ngói nam, mặt tiền giáp với sông Hồng, cảnh quan thơ mộng, sóng nước dạt dào.



Tam quan (đền Lảnh Giang) tại thôn Yên Lạc, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên

Không xa đền Lảnh Giang về phía tây là đền thờ vua Lê. Sắc phong còn lưu lại ở đền cho biết, đây là ngôi đền thờ vua Lê Thái Tổ (1428 - 1433).

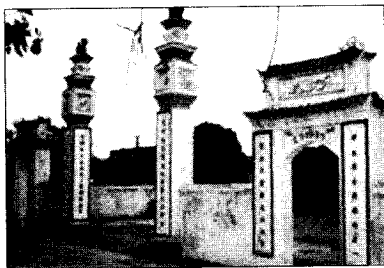
Đến với quần thể di tích đền Lảnh Giang, du khách sẽ có dịp dự lễ hội diễn ra vào tháng 6, tháng 8 hàng năm. Lễ hội diễn ra tung bừng với nhiều trò chơi truyền thống như: múa rồng, múa lân, võ thuật, đánh gậy, chọi gà, tổ tôm điếm,... Đền Lảnh Giang được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1996.

13. Đình An Hoà

Đình An Hoà, còn có tên gọi là đình thôn Triển thuộc xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm. Đình thờ Hoàng tử Linh Lang và Phò mã Kiều Đức Mậu thời Lý.

Đình An Hoà được xây trên khu đất ở phía đông nam làng, mặt trước đình có hồ rộng và hệ thống cột đồng trụ, tường bao để phân định khu nội tự. Kiến trúc ngôi đình đồ sộ, bề thế. Trong đó, toà tiền đường là công trình mái cong, 4 mái trải rộng. Mái được lợp ngói mũi hài, nhà được làm theo lối chông rường, bẩy kẻ. Bộ khung công trình được làm theo lối tứ trụ, bao gồm 8 cột cái và cột quân. Các cột cái được làm theo lối búp đòng, chân cột được đặt trên tảng đá vuông xanh có chạm nổi gương tròn để đỡ chân cột. Hệ thống bẩy có bẩy tiên, bẩy hậu và 12 bẩy phụ. Hệ thống đòn bẩy hoà nhập với kẻ góc tạo thành tổng thể tự nhiên thể hiện kỹ thuật tinh xảo của các nghệ nhân xưa.

Đình An Hoà là công trình kiến trúc quy mô, nên đồ thờ tự cũng có kích thước lớn và được làm rất kỳ công, có giá trị nghệ thuật. Trong số 4 cỗ ngai ở đình có 2 cỗ tương đối lớn có kích thước 1,4 m x 0,8 m x 0,7 m. Đây là ngai thờ Linh Lang đại vương và phò mã bản thổ tôn thần. Ngai được sơn son, thếp vàng lộng lẫy. Chiếc hương án đặt ở chính gian giữa cao 1,5 m, dài 1,7 m, rộng 0,75 m được làm rất cầu kỳ. Hương án chia làm hai phần có thể tháo rời dễ dàng. Phần trên gồm mặt hương án, được làm to hơn thân dưới, trang



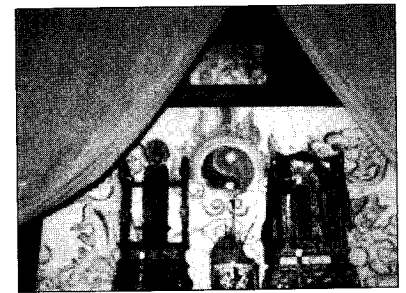
Cổng đình An Hoà
(xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm)

trí hài hoà. Thân dưới hương án được tạo nhiều ô, mảng theo các đề tài long châu, phượng múa, long mã đi trên sóng nước, rùa ẩn hiện trong ao

sen, vừa mang tính cách điệu, vừa có tính hiện thực. Chiếc bát hương đồng cao 0,5 m là một trong những hiện vật tiêu biểu. Hai bức cửa võng ở đình khá lớn làm tăng tính uy nghiêm, vẻ đẹp cho ngôi đình. Đình An Hoà được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1997.

14. Đình Lũng Xuyên

Đình Lũng Xuyên còn được gọi là đình Gạo, thuộc thôn Lũng Xuyên, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên. Đình Lũng Xuyên thờ anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt. Đình được xây trên khu đất rộng, cao ráo, thoáng đãng. Đình quay về hướng nam, được kiến trúc theo theo lối chữ "Đình", tiền đường 5 gian, hậu cung 3 gian. Sân đình có hệ thống cột đồng trụ gồm có đế trụ đắp theo kiểu thất cổ bông, thân cột được đắp gờ nổi 4 cạnh, phía trên là đèn lồng và trên cùng là trục đỡ hai quả dành dành lớn. Tiếp đến, tả môn và hữu môn đăng đối, mỗi cửa có 4 mái cong với đầu đao, ngói ống.



Ban thờ chính trong đình Lũng Xuyên

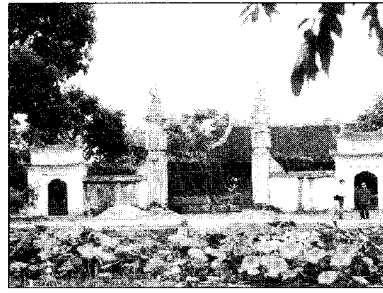
Trong sân là hai dãy tảo xá, mỗi dãy 3 gian dùng để đón tiếp khách tham quan trong các kỳ lễ hội. Công trình tạo thành thể thống nhất từ bố cục đến nghệ thuật chạm khắc, tạo vẻ cổ kính, thể hiện chiều sâu văn hoá của ngôi đình. Đình Lũng Xuyên được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1998.

15. Đền Lãng

Đền Lãng (còn được gọi là đền Ninh Thái) thuộc thôn Côi (xưa gọi là làng Bảo Thái), xã Liêm Cẩn, huyện Thanh Liêm. Đền Lãng thờ vua Đinh, vua Lê và Tam vị đại vương.

Theo ngọc phả, truyền thuyết cùng nội dung khắc trên bài vị thờ tại chính tẩm, vị vua thứ nhất được thờ ở đây là vua Đinh Tiên Hoàng có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Liêm Cẩn là nơi vua Đinh lập căn cứ tuyển quân, nơi tập luyện của quân sĩ. Theo nhân dân địa phương, vị trí đền thờ hiện là nơi đóng quân khi xưa của vua Đinh.

Ngoài thờ vua Đinh, đền Lãng còn thờ vua Lê Đại Hành, hai con của ông là Lê Trung Tông, Lê Ngoại Triều và Tam vị Đại hoàng - ba vị tướng tài của vua Lê Đại Hành.



Đền Lãng
(xã Liêm Cấn, huyện Thanh Liêm)
Ảnh: Thế Tuấn

Hiện nay, đền Lãng còn lại toà tiền đường cung đệ nhị và chính tẩm được trùng tu vào đời Nguyễn. Toà Tiền đường làm theo kiểu mái cong chông diêm. Phía trong toà tiền đường là đệ nhị cung và chính tẩm. Hai cung này được xây chung trong một toà bốn gian, thiết kế theo phong cách "thượng gương, hạ kẻ". Hệ thống cột chính gồm 10 chiếc làm bằng gỗ lim theo kiểu búp đòng, đầu cột thon

ngậm xà, chân cột thu nhỏ để hợp với hệ thống chân tảng. Cửa cung được thiết kế ngạch ngưỡng theo lối cổ, vừa cất mòi, vừa soi chỉ. Ngoài ra, toà tiền đường, cung đệ nhị và cung chính tẩm đều được lợp bằng ngói nam cùng với hệ thống đao góc, đầu trụ, bờ dải, bờ nóc khiến đền lãng, tuy không còn đầy đủ như xưa nhưng vẫn giữ được vẻ cổ kính của công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật.

Hiện nay, đền Lãng còn lưu giữ nhiều đồ thờ tự có giá trị như: chiếc ngai thờ thời Hậu Lê được chạm trổ công phu, bốn chiếc long đình có từ thế kỷ XIX trong có bài vị long ngai thờ vua Đinh, 3 cha con vua Lê Đại Hành, đôi hạc thờ thời Hậu Lê, đôi tượng người nô lệ, chiếc sập thờ và hòm sắc đời Nguyễn. Đền Lãng được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1999.

Các di tích lịch sử - văn hoá tại Hà Nam đã tạo nên cái nhìn tổng thể về các nhân vật lịch sử và địa danh nổi tiếng trên mảnh đất này. Mỗi di tích mang sắc thái, vẻ đẹp riêng và câu chuyện ý nghĩa về cuộc đời lớp tiền nhân trước đây.

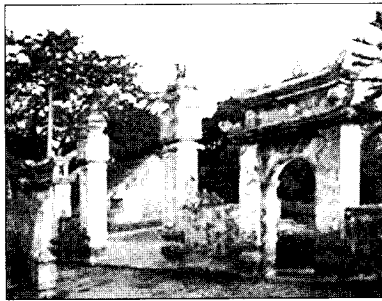
Historical CULTURAL RELICS

In the cause of national building and defence, the people of Ha Nam with great efforts has maintained, consolidated and created copious material and non-material culture treasure. Accounting for considerable part of which is known historical - cultural relic. Let take a view over historical - cultural vestiges, to some extend, your knowledge of the land and people of Ha Nam will be definitely enriched.

1. Van Xa communal house

The land of Van Xa village in Duc Ly commune, Ly Nhan district gives establishment of Van Xa communal house which almost 200 metres apart from national road No.62. As reflected in records, nomination, legend, bibliographies and epitaphs lasting for today, the tutelary gods kept for worshipping in Van Xa temple are Cao Van Phuc, Tu Thi Lang and two water priests.

The communal house of Van Xa locates on the wide land lot in the village centre. It is the two erections built in shape of "Nhi" letter (a traditional architecture) of eight apartments and gate system. The communal house's direction is mainly viewed in the southwest. The land position and architecture arts generate the beautiful and fascinating landscape there.

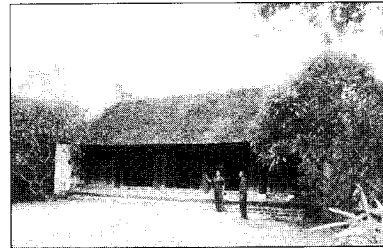


*Van Xa Communal House in Van Xa village.
Duc Ly commune, Ly Nhan district*

Being kept in the communal house are valuable antiques namely ancestral tablets of two snake deities, ancient incense-table passed from the post-Le dynasty, set of palanquin carrying the art of the 17th - 18th century, stele carved "Song van linh tu bi ky" (two inscriptions noting down deity stories), 30 sorts of nominations under feudal dynasties lasting from Le Trung Hung reign to Nguyen dynasties granted Cao Van Phuc and Tu Thi Lang as well as the two water priests. The Van Xa communal house was rated the national art architecture since 1962.

2. Trieu Hoi communal house

It is in Trieu Hoi village, Bo De commune, Binh Luc district. The communal house is for taking reverent care of two village gods known Cao Mang - the general under the Tran dynasty and the other called Tran Xuan Vinh - second-rank doctor - mandarin in Le Thanh Tong reign under Hong Duc dynastic title.



*Trieu Hoi Communal House in Trieu Hoi village.
Bo De commune, Binh Luc district
Foto: The Tuan*

Trieu Hoi is the place where happened the intimidated demonstration of local farmers on October 20th 1930. Trieu Hoi communal house is formed up in shape of "tam letter" (traditional design) in which five-apartment forecourt, five apartment second-rank palace and three-apartment main bedroom. It was given the nationally-recognised historical relic in the year 1988.

3. Tran Thuong temple

Its establishment in the land of Tran Thuong village, Nhan Dao commune, Ly Nhan district is for honouring the god Tran (Royal Highest Tran Quoc Tuan) and his family.

The temple's foundation is on the land having tortoise shell-shaped hillock in the middle, throne arm-shaped on two sides, lotus lakes surrounding and external three-door temple gate outside.

The temple is designed in shape of "quoc" (traditional Chinese design). It indicates five-apartment forecourt, two long guest-house rows, a well in the midst, then five-apartment second-rank palace and three-apartment harem after all.

At present, there remain quite a few valuable worshipping objects like incense-table, stone ancestral platform, worshipping throne, Royal Highest Tran Hung Dao statue in Tran Thuong temple. Additionally, the valuable silver sword with tortoise-shell scabbard is still kept there and dis-



*Tran Thuong Pagoda in Tran Thuong village. Nhan Dao commune, Ly Nhan district
Foto: The Tuan*

played only on the occasion of festivals. This temple became national historical relic and beauty spot in 1989.

4. Nguyen Khuyen worship hall

Nguyen Khuyen worship hall is constructed on part of the house he led the life in Vi Ha village (or Va village in common use) of Yen Do commune (Trung Luong commune of Binh Luc district today).

The worship hall has three apartments with four pillar rows placed in the frame. rafter and beam system. The two three-wall gables tend to higher to the roof, layers after layers forming up right angles. The roof area is constructed by thin bricks in alternative range like lemon flowers spread-



Nguyen Khuyen Worship Hall, Trung Luong commune, Binh Luc district

ing along the two gables. Surrounding the worship hall exist various kinds of fruit-trees prettifying the worship hall's space and scenery. Presently, it is valuable having precious souvenir closely coupled with Nguyen Khuyen life kept there is that two trunks of books and one paper-holding bamboo pipe where contains student Thang's compositions made for examinations, a pair of parallel sentences written in 1872 by Ninh Thai province chief and a letter book written in 1871 by doctor Duong Khue in congratulating the first exam passer of three examinations. The right apartment put one sindora platform - one of things closely became fond of the poet in his last years. The worship hall was rated the national historical relic in 1991.

5. Long Doi Son pagoda

The pagoda is situated in Doi Son commune of Duy Tien district. With the setting at the peek mountain, the

pagoda's face is directed towards the south as stated in the proverb "Dau goi nui Doi, chan doi Tuan Vuong, phat tich de vuong, luu truyen van dai"

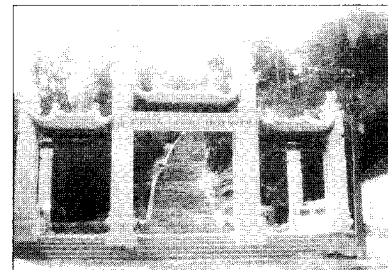
(its head lays down Doi mountain, its feet directs toward Tuan Vuong which generate prosperities for ages). These erections include pagodas and towers.

Long Doi Son pagoda (or Dien Linh pagoda) was built by direct leadership of Ly Thanh Tong and imperial concubine Y Lan in 1054. Under the reign of Ly Nhan Tong (1118 - 1121), the tower Sung Thien Dien Linh was the continuous erection beside the pagoda. The complex of pagoda and tower completely destroyed since the occupation caused by the Ming in early 15th century. In 1591, at the end of the 16th century, the local people spent their efforts on "re-erecting monument, beam and damaged pieces of wall, making doors and constructing walls to set up a beauty spot in the pagoda area after over 500 hundred years later". In the 13th year under Tu Duc reign (1860), Doi Son pagoda was given with consolidation for upper palace, forecourt, ancestral house, steeple and fringe.

As of 1864, the restoration was used up to corridor, Mitreya statue, bronze plaque and stone plaque to produce the fully-constituted 125 apartment entity under the leadership by the fifth great bonze Thich Chieu Truong. Since then, the pagoda became the Northern School for Buddhism. The pagoda of Long Doi Son at that time was constructed in the style of "noi cong, ngoai quoc" (traditional architecture).

The objects remain in Long Doi Son pagoda now consisting of Sung Thien Dien Linh stele and six Kim Cuong statues. These objects are definitely valuable to research on ancient Vietnam culture.

Long Doi Son pagoda was recognised national historical vestige and art architecture in 1992.



Long Doi Son Temple in Doi Son commune, Duy Tien district

6. Vu Dien temple

Vu Dien temple or another name of Mau temple in popular calling places in Vu Dien village, Chan Ly commune, Ly Nhan district.

As reiterated by the local people, the Vu Dien temple institute was started in the 15th century under the appearance of a small bamboo-thatched shrine erected by the local people. The temple became larger and more spacious since undertaken following the royal proclamation by king Le Thanh Tong. Its architecture is in the style of "chu tam khep



Vu Dien Pagoda in Vu Dien village. Chan Ly commune. Ly Nhan district

kin" (traditional architecture). Since times of restoration, the temple's architecture mostly carries characteristics in the 19th century. There still kept several costly

objects include the plaque casted under the reign of Le Trung Hung in the Year of Cat, Chinh Hoa reign's the 20th year in 1699; bronze bell engraved under Tay Son dynasty in Canh Thinh reign's the 9th year in 1801 and Vu Thi Thiet's bronze statue. In 1993, the national historical relic was granted to Vu Dien temple.

7. Truc temple

The name of "Truc" is originated from its location in the dozen hectare garden of ivory bamboo in Quyen Son village of Thi Son commune, Kim Bang district. Presently, the ivory bamboo is now disappeared but there is a thick wall of ivory bamboo covered surrounding the temple.

As position near Day river, it takes time to get over dozen brick steps to be reachable to the temple after going on boat. The temple's gate has four posts, two main of them in the midst and the small ones in two sides. The two chief posts is six metres high divided into three parts with the rectangle shape below which having balanced frames by edges; the square block with pic-

tures of four supernatural creatures above; on top, a couple of lion's whelp face to face embanked symmetrically. Passing the 10

metre wide brick ground, the five apartment forecourt will come into sight. The forecourt is above ground organised in three steps with two covered gables. The temple is made of iron wood. Three rear apartments and the forecourt are the same in architecture and separated by a narrow ground with wall, semi-roofed house and rock-garden tank.

The existence of Truc temple is to make offerings to the national hero Ly Thuong Kiet, a pre-eminent military expert with brilliant art of war as well as a outstanding diplomat. He dedicated uncountable merits to the nation. Ly Thuong Kiet whose work is the first well-known national Independent Proclamation and he symbolised the Ly dynasty for dozen years. The thing becomes thorough strategy during his mandarin life targeted at harmonious and prosperous life among the people. His dignity is praised to be "trying his best for the peaceful life" by big national historical volumes.

The national recognition of historical relic was given to Truc temple happening in 1994.

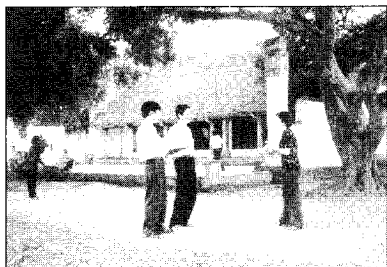
8. An Mong stone communal house

The central village of Tien Phong, Duy Tien district gives location of the An Mong stone communal house which used up for honouring princess Nguyet Nga, woman general of the two ladies Trung.

The legend has it that this is the age-old stone communal house located in the alluvial ground in river bank - the place where lady Nguyet Nga born and died. As river bank breaking, the entity was moved to Tien Phong commune, Duy Tien district. Until under Nguyen dynasty, its forecourt was rebuilt in stone, the second-rank palace and



Truc Pagoda in Quyen Son village. Thi Son commune. Kim Bang district



An Mong Stone Communal House in Tien Phong commune, Duy Tien district
Foto: The Tuan

stone forecourt becomes most original with heaped beams, scrolling features with 12 big pillars (the main ones). The chief pillars comes into view in shape of rice sprout which wide in the middle and small in two ends. The system of 30 main pillars, subordinate pillars and part-house ones are variously sizable as well as meticulously and sophisticatedly engraved.

At present, many priceless worshipping objects performed there are inclusive of worshipping platform, throne, eight-pole palanquin, several big calligraphic sings and a lot of swords in serve of female soldiers in festivals. An Mong communal house was recognised the national historical vestige and art architecture in 1994.

9. Ba Danh pagoda

Just taking 10 kilometres from Phu Ly town, the land of Danh Xa village. Ngoc Son commune, Kim Bang district will provide the presentation of Ba Danh pagoda. The unity is placed in a wide-ranged zone distant from village. It is just reflected over the Day river, near Ngoc mountain where nourishes the green trees for all year round.



Ba Danh Temple in Danh Xa village, Ngoc Son commune, Kim Bang district

main bedroom were renewed with wood and double tile. The communal house of An Mong has three blocks in traditional Chinese design. The

main bedroom were renewed with wood and double tile. The communal house of An Mong has three blocks in traditional Chinese design. The

The pagoda of Ba Danh in common aim of Maharayana school also serves worshipping of Buddha (Bodhisattva). Thai Thuong Lao Quan (an old

angel of Celestial Palace), Constellation, the third and fourth brothers. In the origin, Tu Phap - a indigenous religious product was kept for honouring there.

Ba Danh pagoda - the almost 40 apartment entity (exclusive of outhouse system) with erections alternatively existing faces the south of Day river. According to legends, the pagoda was completely simple in the initial days with only thatch Until Vinh Tri reign under Le Hy Tong dynasty (1675 - 1705) it appearance became spacious and tranquil. The title of national historical relic was given to Ba Danh pagoda went off in 1994.

10. Thon Chau communal house and pagoda

Going downwards to Ninh Binh province along national road No.1A about two kilometres from Phu Ly town, turning right to the road passing Do bridge in Chau Son direction for four kilometres, communal house and pagoda of Chau village will appear in clear vision. These entities were bestowed the national historical relic in the year of 1994.

10.1. Thon Chau communal house

The township of Kien Khe, Thanh Liem district gives the institute of Thon Chau communal house which honouring army general Pham Ngu Lao - famous general served the Tran dynasty for approximately 30 years under kings of Tran Nhan Tong, Tran Anh Tong and Tran Minh Tong.

Thon Chau communal house faces Day river in front. At furthest outside there is a five-door system

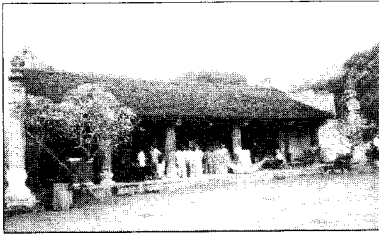
formed in three-storey heaped shape with arched roofs. Walking through a wide ground, the main work is accessible in shape of "tam" letter (traditional design) including five-apartment forecourt, five second-rank palace and three apartments of main bedrooms. The unity is 13 apartments in total number which roofed by double tile gripped with thick walls in harmonious pillars and meticulous decoration. It is a big communal house with the



Communal House of Chau village, Kien Khe township, Thanh Liem district

area of 18 metres long, 10.7 metres iron wood. Being maintained in the communal house are objects having high value consisting of two thrones in the Post-Le dynasty, Nguyen dynasty style incense-table, bo bat kieu (set of eight bronze works), red lacquer trimmed with gold eight pole palanquin - typical for traditional black lacquer art.

10.2. Chau Son pagoda (or so-called Long Son)



Chau Son Temple

The pagoda can be called in two names Chau Son (pagoda locating in Chau mountain) or Long Son (location in dragon mountain). It

location is deep inside the mountain cliff, right next to cave mouth of Phuc Long cave in Chua mountain. According to epitaph carved in mountain cliff of Chinh Hoa's the 11th year in 1690, this is for impressing merits of Phap Ban bonze together with people of four villages whose efforts spent on repairing bonze statue and re-planning Buddha trinity's land. It proves the pagoda's early foundation but naturally based appearance. Presently, the entity has three edifices built in architecture of "nhai" (traditional Chinese design) in front and of "dinh" (traditional Chinese design) in rear with 10 rolled apartments. There at the furthest outside is three-apartment steeple having arched roof, tube tile, same size pillars and thick walls in traditional style.

The main direction of Chau pagoda is opposite the south, bordering three apartments of Pham Ngu Lao temple in the west. The two separated five-apartment palaces are for worshipping lady Thuy Tinh and princess Bach Hoa. Hence, the pagoda covers 30 apartments in all sizes. It possesses many small but beautiful like Tam The statue, A Di Da, Mitreya, Tuyet Son, Kim Cuong. Additionally, many stone worshipping objects are presented there with joss-stick pot, copper food tray and incense-burner created sophisticatedly reflecting high-professional and creative artisans.

11. Luong Quan Cong ancestral temple

The ancestral temple locates in Ngoc Lu commune of Binh Luc district worshipping Luong Quan Cong Tran Nhu Lan. This five apartment worshipping house is an ancient-style architecture. The gate appears in three-step case. Existing in two sides are two same-pillar posts stretched out in three sides which its inside closely connected the wall. The entrance and exit are built in semicircular shape. Going straight to small path passed the gate reaches main road leading to the church. The brick three-sided house of worship has iron door system covered the whole five apartments in the front. The two gables is level but formed with tiger-faced design on the surface. This symbol shows the majority of arm feats rather than civil administration.

A great deal of worshipping objects in different materials of wood, metal, pottery, stone, fibre, etc. are being kept there.

Noticeably, all those wooden worshipping objects come into sight in red lacquer trimmed with gold. The worship hall was conferred national historical relic in 1995.



Worship Hall of Duke Luong in Ngoc Lu commune, Binh Luc district

12. Lanh Giang temple

Lanh Giang setting belonging to Yen Lac village of Moc Nam commune, Duy Tien district in the right bank of Red river.

The well-organised architecture of Lanh Giang temple is distinctive for national ancient style. The entire unity is shaped in three blocks of houses with 14 apartments of all sizes built in traditional Chinese architecture. Locating in two sides is with two guest houses having front appearance of "noi cong, ngoai quoc" architecture. Typically, the two-story heaped central palace with eight arched roofs carefully engraved giving designs in topics of dragon, unicorn, tortoise and phoenix which are not only solemn but also extricate. Being included in Lanh



Three-door temple gate of Lanh Giang Temple in Yen Lac village. Moc Nam commune. Duy Tien district

opposite Red river. The entity offers dreamlike scenery of the overflowing water.

Taking a short distance to the west is temple to one of kings Le. According to nomination passed presently, this temple takes reverent care of Le Thai To (1428 - 1432). The presentation of this temple is generated from the king's visit for checking implementation of court's regulations by local mandarins.

Coming to Lanh Giang temple complex in every June and August, you will be granted chances for attending festivals. The festivals are occurred in jubilant atmosphere with copious traditional games like lion dances, martial arts, cock-fighting, and so on. This temple was rated national architecture in 1996.

13. An Hoa temple

An Hoa temple or communal house of Trien village is at Thanh Ha commune of Thanh Liem district. The entity worships prince Linh Lang and prince consort Kieu Duc Mau in Ly dynasty.

The land lot in the southern village gives An Hoa location. The temple



Anh Hoa Communal House's gate in Thanh Ha commune. Thanh Liem district

complex is Cua Song temple (Co temple) considered bulky architecture containing piled arched roof and double tile. Its front is

opposite Red river. The entity offers dreamlike scenery of the overflowing water.

Taking a short distance to the west is temple to one of kings Le. According to nomination passed presently, this temple takes reverent care of Le Thai To (1428 - 1432). The presentation of this temple is generated from the king's visit for checking implementation of court's regulations by local mandarins.

Coming to Lanh Giang temple complex in every June and August, you will be granted chances for attending festivals. The festivals are occurred in jubilant atmosphere with copious traditional games like lion dances, martial arts, cock-fighting, and so on. This temple was rated national architecture in 1996.

13. An Hoa temple

An Hoa temple or communal house of Trien village is at Thanh Ha commune of Thanh Liem district. The entity worships prince Linh Lang and prince consort Kieu Duc Mau in Ly dynasty.

The land lot in the southern village gives An Hoa location. The temple

faces a wide lake in the front, the same-pillar post system and covered wall to fix the internal pagoda. An Hoa temple's is bulky and sizable in

appearance. Its forecourt has curved roof, four widely spread roofs which yielding gentle style. The temple is designed in double tile roof, heaped beam and bay ke (local design) - unique but suitable for the severe natural conditions of the rainy and stormy tropical zone. The erection frame is shaped in four-pillar structure containing eight main posts and supporting ones. The harmonious system of lever and right angles produces natural structure carrying sophisticated arts by popular artisans.

Since being preserved in a sizable pagoda, worshipping objects in An Hoa are carefully made and highly valuable. Given among four sets of thrones, two pairs of them is rather large with 1.4 m x 0.8 m x 0.7 m in size. These thrones target at offering royal highest Linh Lang and local prince consort. Those thrones are red lacquer trimmed with gold. The 1.5 m x 1.7 m x 0.75 m incense-table placed at the centre of the middle apartment is fastidiously made. The incense-table includes two separated parts which easily untied. The upper part embraces incense-table's surface which larger than the incense-table body and pleasantly decorated. The lower part of incense-table is given with designs in topics of attended dragon, danced lion, and tortoise hidden in lotus pond presenting both stylised way and reality. The remarkable thing remains there is the 0.5 metre high bronze joss-stick pot. The pretty big doors painting in fresco add more solemnity and beauty of the temple. An Hoa temple was granted national architecture relic in 1997.

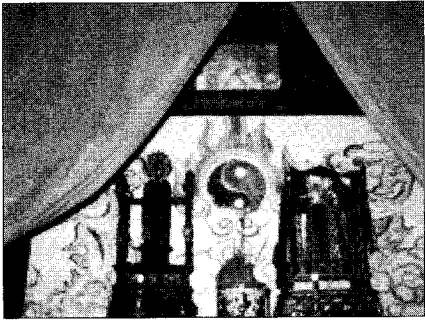
appearance. Its forecourt has curved roof, four widely spread roofs which yielding gentle style. The temple is designed in double tile roof, heaped beam and bay ke (local design) - unique but suitable for the severe natural conditions of the rainy and stormy tropical zone. The erection frame is shaped in four-pillar structure containing eight main posts and supporting ones. The harmonious system of lever and right angles produces natural structure carrying sophisticated arts by popular artisans.

Since being preserved in a sizable pagoda, worshipping objects in An Hoa are carefully made and highly valuable. Given among four sets of thrones, two pairs of them is rather large with 1.4 m x 0.8 m x 0.7 m in size. These thrones target at offering royal highest Linh Lang and local prince consort. Those thrones are red lacquer trimmed with gold. The 1.5 m x 1.7 m x 0.75 m incense-table placed at the centre of the middle apartment is fastidiously made. The incense-table includes two separated parts which easily untied. The upper part embraces incense-table's surface which larger than the incense-table body and pleasantly decorated. The lower part of incense-table is given with designs in topics of attended dragon, danced lion, and tortoise hidden in lotus pond presenting both stylised way and reality. The remarkable thing remains there is the 0.5 metre high bronze joss-stick pot. The pretty big doors painting in fresco add more solemnity and beauty of the temple. An Hoa temple was granted national architecture relic in 1997.

14. Lung Xuyen temple

Lung Xuyen temple or so-called Gao pagoda in other name belongs to Lung Xuyen village of Yen Bac commune. Duy Tien district. The unity is situated in communal centre, next to the road which offers visitors convenient travelling to get there.

On the basis of god records, nomination and Han - Nom documents kept in the locality, Lung Xuyen temple is used for worshipping the national hero Ly Thuong Kiet. The temple is built on a large, high an airy land lot. Its main direction is to the south with architecture based on "dinh letter" (traditional design) in which the forecourt is



The main altar in Lung Xuyen Communal House

with five apartments and the rear is inclusive of three apartments. The temple ground holds a system of same-pillar posts generating post ground built in rice sprout, pillars covered with four-sided embossed edges, lanterns decorated above and pier supported two gardenia fruits at the furthest height. Then, the left and right doors are symmetrically placed with four arched roofs and tube tile each. Within the ground, two ranges of abodes with three apartments each for receiving visitors on the occasion of festivals. The work comes in systematic entity in both structure and carving art which reveal ancient beauty and cultural value of Lung Xuyen temple. This temple was distinguished national historical relic in 1998.

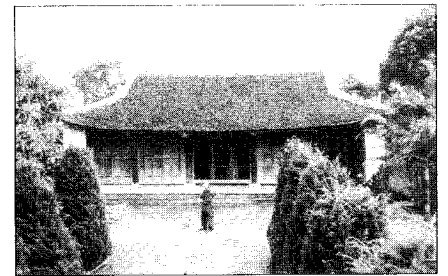
15. Lang temple

The temple of Lang (or Ninh Thai in other word) belongs to Coi village (Bao Thai village in the old days) of Liem Can commune, Thanh Liem district. This temple targets at worshipping king Dinh, king Le and three great generals. Lang temple or Ninh Thai in other word is of Coi village (formerly Bao Thai village) of Liem Can commune, Thanh Liem district. This temple serves worshipping of king Dinh, king Le and three Royal Highest ones.

As shown by records, legend and contents carved on ancestral tablets placed in main bedroom, the first king put for honouring there is Dinh Tien Hoang whose dedications in quelling revolts of 12 troops to establish national unification. The place of Liem Can witnessed base for enrolment for the army by king Dinh and giving practice to soldiers. According to local people, the temple is situated in the place where king Dinh laid garrison.

Lang temple serves for respecting to not only king Dinh but also king Le Dai Hanh, his two sons Le Trung Tong and Le Ngoa Trieu as well as three talented generals of king Le Dai Hanh.

Presently, what remain in Lang temple includes second-rank palace's forecourt and main bedroom which restored in Nguyen dynasty. The forecourt is viewed in heaped arched roof. Inside the forecourt there exist second-rank palace and main bedroom. These two palaces were given altogether construction in a four-apartment palace designed in "thuong guong, ha ke" (a traditional architecture) style. The main pillar system has 10 iron pillars come out in rice sprout which the tapering ends holding beam and small pillar feet suited to foundation.



Lang Pagoda in Lien Can commune, Thanh Liem district

Foto: The Tuan

The palace door is traditionally designed in door-sill ranging in different ranks of bricks. In addition, the system of forecourt, second-rank palace and main bedroom are covered with double tiles and system of knife head, overlapping, roof edges bringing about the temple an ancient beauty only seen in art architectures regardless of loosing in oblivion.

In Lang temple, many valuable worshipping objects placed are carved altar handed down from the Post Le dynasty; four imperial courts made in the 19th century having ancestral tablets offered king Dinh, king Le Dai Hanh and his two sons; a pair of cranes from the Post Le dynasty, a pair statues of servants, ancestral platform and trunk of Nguyen dynasty. This national historical relic was recognised in 1999.

Those historical - cultural relics, to some extent, supply an overall image of both historical people and famous beauty spots of Ha Nam land. Those relics, with specific description, carry particular beauty and meaningful story of the predecessors.

DANH NHÂN Hà Nam

Nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, Hà Nam không chỉ được biết đến là vùng đất địa linh với những tên núi tên sông đã từng đi vào huyền thoại, lịch sử dân tộc như: sông Châu, núi Đọi, chùa Bà Đanh, đền Trúc, Ngũ Động sơn,... mà còn là nơi sinh dưỡng nhiều danh nhân nổi tiếng. Đó là những nhà quân sự, chính trị, ngoại giao, những nhà văn hoá, khoa học, những bậc chí sĩ cách mạng, anh hùng hào kiệt, những vị tổ nghề,... Họ, bằng tài năng và phẩm cách, đã làm rạng danh quê hương Hà Nam, đất Việt thân yêu.

Mấy năm sau, nhà Hán sai Mã Viện đem quân sang xâm lược. Hai Bà Trưng cầm cự được một thời gian rồi hy sinh trong trận đánh bên bờ sông Hát. Nguyệt Nga thoát trần ấy, chạy về đóng ở Lương Đống gần trang Dương Mông. Năm sau quân Mã Viện vây đánh, Nguyệt Nga hy sinh vào ngày 9 tháng 9 âm lịch (năm 43). Bà được các dân làng Dương Mông, Lương Đống lập đền thờ Riêng dân Dương Mông (Tiên Phong, Duy Tiên, Hà Nam) tôn bà là "Loa tổ" - bà tổ nghề trồng dâu nuôi tằm. Tại các ngôi đền thờ Nguyệt Nga, các danh sĩ đời sau sáng tác nhiều câu đối ca tụng công lao "vi dân, vi nước" của bà.

1. Nguyệt Nga (14 - 43)

Bà là nữ tướng thời Hai Bà Trưng. Tổ nghề trồng dâu nuôi tằm ở Tiên Phong. Tương truyền bà sinh ở trang Dương Mông, nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tên là Nàng Nga. Khi cha mẹ mất, bà về ở với di ruột (lấy chồng ở vùng sông Dâu thuộc bộ Vũ Ninh) và đã học được nghề trồng dâu nuôi tằm kéo kén và nhiều võ thuật. Vì có kẻ muốn bắt nàng nộp cho Thái thú Tô Định, nên Nàng Nga trở về trang Dương Mông, dạy dân ở đây nghề trồng dâu chăn tằm, rồi chiêu mộ trai tráng dấy binh ủng hộ Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Mê Linh. Quân Tô Định bỏ chạy, Trưng Trắc lên làm vua, Nàng Nga được phong làm Nguyệt Nga công chúa, giúp việc cho Hai Bà.

2. Trạng Sám Nguyễn Đức Năng (925 - 990)

Ông là tổ nghề trồng Đọi Tam ở thôn Đọi Tam, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên. Tương truyền có hai anh em họ Nguyễn, người anh là Nguyễn Đức Năng, người em là Nguyễn Đức Đạt nghề vốn làm bưng trống khi đi qua Đọi Tam thấy vùng chân núi Đọi có nhiều cây mít đẹp, gỗ vàng ươm không bị mọt nên quyết định chọn nơi này làm chốn định cư để hành nghề và truyền nghề làm trống cho dân làng nơi đây. Một hôm, dân Đọi Tam nghe tin vua Lê Đại Hành sửa soạn về đây cày ruộng tịch điền khuyến nông, ông Năng cùng em tự tay làm một quả trống đặc biệt để đón vua. Cây mít già tốt nhất, hai tấm da trâu to đẹp nhất được thuộc thật kỹ công. Chiếc trống được hoàn

thành mùa xuân năm 987. Tiếng trống vang như tiếng sấm, nên đời sau gọi ông là Trạng Sấm.

Trạng Sấm Nguyễn Đức Năng mất ngày 17-4 âm lịch (năm 990). Sau khi mất, ông được nhân dân Đọi Tam tôn là tổ nghề - Thành hoàng làng. Do có nghề làm trống nước tiếng thiên hạ, người dân Đọi Tam đã được vua Lý Thái Tổ đưa lên Kinh đô làm trống và lập nên phố Hàng Trống ở Hà Nội ngày nay.

3. Lê Tiên Hoàng (941 - 1005)

Lê Tiên Hoàng (tức Lê Hoàn) quê ở làng Bảo Thái, Thanh Liêm, nay là xã Liêm Cẩn, huyện Thanh Liêm. Nhà nghèo, bố mất sớm, phải điu ông đi ăn xin, gặp quan án sát Lê Đột (người Châu Ái), Lê Hoàn được nhận làm con nuôi và cho ăn học tử tế. Khi Lê Đột mất, Lê Hoàn mới 16 tuổi, nhờ lời dạy của mẹ, ông trở về quê Bảo Thái, mở trường dạy học, kết thân với các tráng sĩ Nguyễn Minh Quang, Đinh Điền, rồi mộ quân dân vào Hoa Lư, theo Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. Do có nhiều công lao, ông được vua Đinh Tiên Hoàng ban cho chức Thập đạo tướng quân. Năm Kỷ Mão (năm 979), Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích sát hại, con là Đinh Duệ mới 6 tuổi lên ngôi, quyền bính nằm trong tay Lê Hoàn.

Khi nhà Tống sang xâm lược, Lê Hoàn cử Phạm Cự Lượng làm đại tướng quân đi chống giữ. Lượng cùng nhiều tướng lĩnh suy tôn ông lên ngôi nối nghiệp nhà Đinh. Ông lên ngôi vua năm Canh Thìn (năm 980).

Ông ở ngôi vua 26 năm với các niên hiệu: Thiên Phúc (980 - 988), Hưng Thống (989 - 993) và Ứng Thiên (994 - 1005).

4. Trần Thủ Độ (1194 - 1264)

Trần Thủ độ là thái sư thời Trần. Sinh năm Giáp Dần (năm 1194). Ông là nhà quân sự, chính trị tài ba lỗi lạc, nhân vật chủ chốt sáng lập nhà Trần. Quê ở xứ Nam, có thái ấp ở Quốc Hương, nay thuộc đất Bình Lục, Hà Nam.

Xuất thân làm nghề chài lưới ở Yên Sinh (Đông Triều), nhưng Trần Thủ Độ là người có tài chính trị. Nhân thời loạn, ông cùng với Trần Lý, Trần Thừa ra sức giúp Thái tử Sảm nhà Lý. Trần Lý lại gả con gái là Trần Thị Dung cho Thái tử Sảm. Do đó, khi Thái tử Sảm phụ nghiệp lên ngôi, tức Lý Huệ Tông, dòng họ Trần được trọng dụng. Năm 1224, Trần Thủ Độ được phong làm Điện Tiền chỉ huy sứ, sau đó cai quản các đội quân bảo vệ kinh thành.

Lý Huệ Tông nhường ngôi cho con gái mới lên 8 tuổi là Công chúa Chiêu Thánh (tức Lý Chiêu Hoàng). Lúc này vua còn nhỏ, quyền bính nằm trong tay Trần Thủ Độ. Thủ Độ bàn mưu cùng người anh họ là Trần Thừa đem Trần Bô (tức Trần Cảnh, con trai Trần Thừa) tác hợp với Lý Chiêu Hoàng, rồi ép Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh, dựng nên đế nghiệp nhà Trần vào cuối năm Ất Dậu, đầu năm Bính Tuất (1225 - 1226).

Nhà Trần thành lập, Trần Thủ Độ được cử giữ chức Thái sư. Đến năm Giáp Ngọ (năm 1234), ông là Thống quốc Thái sư, trở thành nhân vật trụ cột nắm quyền lãnh đạo đất nước. Là người có bản lĩnh, lắm quyền mưu, xử lý các việc hệ trọng về chính trị, quân sự, uy phong áp đảo mọi người, nhưng ông không ham làm vua để mang danh lợi trước mắt mà biết vì sự hưng thịnh quốc gia, xây dựng cơ nghiệp lâu dài cho con cháu nhà Trần.

Từ khi còn nhỏ theo cha làm nghề đánh cá, ông đã quen thuộc vùng sông Châu, nên sau này khi làm quan trong triều, ông chọn vùng Quốc Hương (thuộc địa phận huyện Bình Lục ngày nay) để tạo lập thái ấp, sinh sống và nghỉ ngơi. Ông mất vào tháng Giêng năm Canh Tý (năm 1264), thọ 70 tuổi. Vùng thái ấp Quốc Hương hiện còn lăng và đền thờ ông.

5. Trần Bình Trọng (1259 - 1285)

Trần Bình Trọng là võ tướng thời Trần. Tổ tiên vốn họ Lê, dòng dõi Lê Đại Hành. Đến đời ông nội của ông làm quan và được Trần Thái Tông cho theo họ vua, nên đổi thành họ Trần. Quê ở xã Bảo Thái, nay là xã Liêm Cẩn, huyện Thanh Liêm.

Ông có huân công, được phong tước Bảo Nghĩa hầu. Khi quân Mông - Nguyên xâm lược nước ta, ông ở lại Thiên

Trường để ngăn chặn quân giặc trong lúc Hưng Đạo Vương cùng vua Trần và Thái Thượng Hoàng chuẩn bị lực lượng chống ngoại xâm.

Ngày 21 tháng giêng năm Ất Dậu (năm 1285), trong trận chỉ huy cánh quân chặn đánh quân Mông - Nguyên, ông bị đã giặc bắt. Quân Mông - Nguyên khuyên ông đầu hàng sẽ được phong tước vương ở Trung Quốc, ông khẳng khái trả lời: "Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc". Trần Bình Trọng bị giặc giết hại mới 26 tuổi. Ông được truy phong Bảo Nghĩa vương.

6. Trần Khánh Dư (1246 - 1329)

Võ tướng thời Trần. Ông tổ nghề dệt lụa Nha Xá. Là danh tướng tài ba trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, Trần Khánh Dư được phong Thái ấp ở vùng Nha Xá, Duy Tiên. Sau chiến thắng giặc Mông - Nguyên lần thứ ba, ông trở lại làng Nha Xá, vào chùa tu hành. Trong thời kỳ này, ông đã truyền nghề dệt cho người dân làng Nha Xá. Ban đầu là dệt sấm vận làm vọt vớt cá (Nha Xá có nghề vớt cá bột sông Hồng về nuôi thành cá giống ở ao), sau đó dần phát triển thành nghề dệt lụa như ngày nay.

7. Trương Hán Siêu (1274 - 1354)

Nho sĩ, quan chức thời Trần, đồng thời là ông tổ nghề mộc Cao Đà. Ông sinh ngày 25 tháng 11 năm Giáp Tuất (năm 1274), quê ở huyện Yên Ninh, lộ Trường Ninh, nay thuộc thị xã Ninh Bình. Thời trẻ là môn khách của Trần Quốc Tuấn, tham gia kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai và thứ ba. Năm 1308, được vua Trần Anh Tông bổ làm Hàn lâm viện học sĩ. Đời Trần Minh Tông giữ chức Hành khiển. Đời Trần Hiến Tông giữ chức Môn hạ hữu ty lang trung. Các tác phẩm Trương Hán Siêu để lại gồm có 01 bài phú, 7 bài thơ, 2 bài ký. Trong đó, nổi tiếng nhất là bài *Bạch Đằng giang phú*, bài *Dục Thủy sơn*.

Ông có thói quen đi lang thang du ngoạn nhiều nơi để tìm thú tiêu khiển. Một lần đi qua vùng đất Cao Đà thuộc huyện Lý Nhân, phủ Nam Xang, thấy nơi đây địa thế đẹp, phong cảnh

hữu tình, nhân dân thuần phác, ông liền về ngụ cư ở xóm Quy Du (thuộc Cao Đà). Tại đây, ông đã cấp tiền cho dân tu sửa nhà cửa, mua sắm cày bừa, trâu bò để sản xuất. Nhân việc sửa sang đình chùa, mở trường học, sửa chữa nhà cửa, ông đã tìm được một số thợ mộc giỏi về làm ở làng. Sau đó, ông vận động họ truyền nghề cho dân làng dưới sự trợ cấp, giúp đỡ của ông. Các hiệp thợ "vừa học, vừa làm" ở quanh vùng rồi đi làm ở nơi xa, ngày càng có tin nhiệm. Chẳng bao lâu, nghề mộc ở Cao Đà phát triển rất nhanh. Với tay nghề giỏi, thợ mộc Cao Đà đã được triệu vào triều để xây dựng cung điện. Biết ơn công lao to lớn của Trương Hán Siêu, khi ông mất, dân làng Cao Đà đã lập đền thờ và tôn ông là Tổ nghề mộc.

8. Trần Khát Chân (1370 - 1399)

Võ tướng thời Trần, thuộc dòng dõi Trần Bình Trọng (ở Liêm Cần, Thanh Liêm), sau lưu lạc vào Thanh Hoá. Ông sinh năm Canh Tuất (năm 1370), là người có công lớn giúp Trần Nghệ Tông đánh đuổi giặc phương Nam.

9. Trình Thuận Du (1402 - 1481)

Tên thật là Trần Thuận Du, sau đổi là Trình Thuận Du. Tên hiệu là Mật Lệ. Quê quán ở Tân Đới, Duy Tân nay là xã Đới Sơn, huyện Duy Tiên. Ông đỗ khoa Minh Kinh năm Kỷ Dậu niên hiệu Thuận Thiên 2 (năm 1429) đời Lê Thái Tổ. Năm Quý Sửu (năm 1433) được cử làm Chánh sứ sang nhà Minh. Ông đã từng làm các chức quan: Tuy lực đại phu nhập nội hành khiển (ngang với chức Thừa tướng), Hàn lâm viện thừa chỉ, Tri tam quân sự kiêm Khu mật viện sự, Nhập thị kinh diên; cùng Nguyễn Trãi tham gia hầu việc giảng dạy cho các vị vua trẻ.

Các tác phẩm của ông để lại gồm: *Sơn thủy hành ngâm*; *Bắc dư chí*, *Y gia thủ sách*.... Ông mất năm Tân Sửu (năm 1481), thọ 79 tuổi.

10. Lê Tung (Dương Bang Bản, 1452 - 1514)

Tên thật là Dương Bang Bản, quê làng An Cừ, nay thuộc xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm. Ông sinh năm 1452. đỗ

Hoàng Giáp năm 1484 dưới triều vua Lê Thánh Tông, được ban Quốc tính nên đổi thành Lê Tung.

Đương thời, ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ ngoại giao quan trọng: năm 1493, được cử làm phó sứ sang nhà Minh; năm 1506 được cử làm Chánh sứ. Năm 1509, ông phò Lê Tương Dực chống lại Lê Uy Mục thành công, được cử làm Thượng thư Bộ Lễ, tước Đôn thư bá, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu.

Tác phẩm nổi tiếng của ông là *Việt giám thông khảo tổng luận* (năm 1514), đây là bản tóm lược cuốn *Việt giám thông khảo* của Vũ Quỳnh (1453 - 1512).

11. Bùi Văn Dị (1833 - 1895)

Bùi Văn Dị, tự Ân Niên, quê ở làng Châu Cầu, huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội, nay là phố Châu Cầu, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông quê gốc ở xã Triều Đông, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín (nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây), từ thời Lê Mạt mới chuyển đến sinh cơ lập nghiệp ở Châu Cầu, đến đời thứ 6 thì phát khoa: Bùi Văn Dị và người em con chú ruột là Bùi Văn Quế đều đỗ Phó bảng khoa thi Ất Sửu năm Tự Đức thứ 18 (năm 1865).

Bùi Văn Dị lần lượt được bổ làm Tri huyện Lang Tài, Việt Yên, Yên Dũng (tỉnh Bắc Ninh), rồi án sát Ninh Bình, sau được sung vào nội các. Năm 1876, ông được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh. Cuối năm 1878, ông lại được sung vào nội các, được cử vào duyệt quyển thi Hội, thi Đình. Năm 1881, ông làm đại thần quản lý Nha Thương bạc. Khi quân Pháp mở rộng đánh Bắc Kỳ, ông dâng sớ quyết đánh và được cử làm Khâm sai phó kinh lược sứ Bắc Kỳ. Ông đã trực tiếp chỉ huy trận đánh ngày 13-3-1883 chặn quân Pháp lấn ra ngoại vi Hà Nội. Tiếp đó, ông được cử làm Tham tán quân thứ Bắc Ninh. Việc nhà Nguyễn ký hàng ước ngày 25-8-1883 khiến ông suy sụp tinh thần đến phát bệnh. Ông từ chối chức Tổng đốc Ninh Thái và đi ở ẩn tại Thanh Hoá. Đầu năm 1884, ông lại được triệu về triều làm giảng quan, chuyên giảng sách cho vua Kiến Phúc và Hàm Nghi. Năm 1885, ông bị ốm phải đi dưỡng bệnh tại Thanh Hoá. Đến cuối năm 1887, ông được gọi về

triều làm Phụ chính đại thần. Trong dịp này, ông được xét đặc cách nhận học vị Tiến sĩ khoa Ất Sửu (năm 1865). Năm 1890, ông thôi các chức Thượng thư Bộ Lại và Phụ chính đại thần, chỉ giữ chức Phụ đạo đại thần kiêm Phó Tổng tài Quốc sử quán. Ông đảm nhận việc tổng duyệt bộ sách gồm 300 bài thơ vịnh sử của vua Tự Đức. Công việc biên tập hoàn thành thì Bùi Dị mất ngay khi còn tại chức ở Quốc sử quán.

Thơ văn của ông được tập hợp trong các cuốn: *Vạn lý hành ngâm*, *Tốn Am thi sao*, *Du Hiên tùng bút*, *Trĩ chu thù xưởng tập*,... là các tập thơ văn chữ Hán mang nội dung yêu nước chống xâm lược, trong đó thể hiện tâm trạng lo lắng, đau xót vì thế yếu của ta trước dã tâm và sức mạnh của quân xâm lược.

12. Nguyễn Khuyến (1835 - 1909)

Nhà thơ lớn của dân tộc. Một trong những đại diện tiêu biểu cho nền văn học Việt Nam thời Trung đại, đồng thời là chí sĩ yêu nước có nhân cách lớn.

Nguyễn Khuyến tên thật là Nguyễn Văn Thảng, hiệu Quế Sơn, tự Miến Chi. Ông sinh ngày 15-2-1835 tại quê mẹ làng Hoàng Xá (huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định), nhưng chủ yếu sống ở quê cha tại làng Và (tên chữ Vị Hạ), xã Yên Đổ - huyện Bình Lục (nay thuộc xã Trung Lương huyện Bình Lục), tỉnh Hà Nam. Sinh ra trong gia đình hai bên nội ngoại đều có truyền thống khoa bảng: nên từ nhỏ Nguyễn Khuyến đã nổi tiếng là người thông minh, học giỏi. Nhưng do nhà nghèo, cha mất sớm nên ông phải bỏ học đi dạy thuê kiếm tiền nuôi mẹ, sau được ông nghề Vũ Văn Lý, người huyện Thanh Liêm (Hà Nam) đem về nuôi cho ăn học. Năm Giáp Tý (năm 1864), Nguyễn Khuyến thi Hương đậu Giải nguyên. Năm Tân Mùi (năm 1871) thi Hội lần thứ hai, đỗ Hội nguyên. Sau đó thi Đình, đỗ Đình nguyên.

Do đỗ đầu cả ba kỳ thi, nên ông được vua Tự Đức ban cờ biển và hai chữ "Tam nguyên", được bổ làm quan ở nội các Huế, rồi làm đốc học Thanh Hoá và Án Sát Nghệ An. Năm 1887, làm Bố chánh Quảng Ngãi. Năm 1879, ông bị điều về kinh sung chức Trực học sĩ và Toàn tu Quốc sử quán. Tháng 12-1883, Pháp đánh Sơn Tây, Tổng đốc

Sơn Tây là Nguyễn Đình Nhuận chạy lên Hưng Hoá gia nhập nghĩa quân của Nguyễn Quang Bích. Lúc đó, tên Nguyễn Hữu Độ, Kinh lược Bắc Kỳ (thân Pháp) định cử Nguyễn Khuyến làm Tổng đốc Sơn Tây. Nhưng ông dứt khoát từ chối, lấy cơ đau mắt nặng xin cáo quan về quê ở ẩn. Thực dân Pháp và bọn tay sai còn nhiều lần dụ dỗ Nguyễn Khuyến ra làm quan, nhưng ông kiên quyết chối từ. Tháng Giêng năm Kỷ Dậu (năm 1909) ông mất tại quê nhà, thọ 74 tuổi, để lại khoảng 300 bài thơ chữ Hán và chữ Nôm, chủ yếu trong tập *Quế Sơn thi tập*.

13. Đinh Công Tráng (1842 - 1887)

Thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp thời Nguyễn. Đinh Công Tráng sinh ngày 14-1-1842 tại thôn Nhâm Tráng, huyện Thanh Liêm. Thân phụ là Đinh Văn Thành - một danh y nổi tiếng.

Thủa nhỏ, Đinh Công Tráng theo học cụ Hoàng giáp Phạm Văn Nghị, đậu đến Tam trường. Chán cảnh quan trường, ông bỏ khoa danh theo cha làm nghề thuốc. Khi giặc Pháp xâm lược nước ta, ông kêu gọi hào kiệt văn nhân, chiêu mộ nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa. Nghĩa quân của ông đánh thắng nhiều trận ở Tráng, Bưởi, Tàng, Sở Kien rồi tiến tới giải phóng phủ Bo (Ý Yên), chợ Dâu (Vụ Bản) và thị xã Phủ Lý. Ông được vua Tự Đức phong là Hiệp quản. Đến năm 1847, nhà Nguyễn ký hoà ước với Pháp, ông trả lại chức tước cho triều đình rồi đi tìm nghĩa sĩ chống thực dân pháp. Năm 1883, ông phối hợp với Lưu Vĩnh Phúc chỉ huy quân Cờ Đen mai phục ở Cầu Giấy diệt 111 tên giặc, trong đó có tướng giặc là Đại tá Henri Rivier. Ông được quan Điện Tiền Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi phong là Bình Tây Đại tướng quân và vời vào Thanh Hoá làm chủ soái cứ địa Ba Đình.

Cứ địa Ba Đình do Đinh Công Tráng trực tiếp chỉ huy rộng 400 m, dài 1.200 m là thành trì vững chắc, giặc đã mở 3 đợt tiến công với hàng nghìn lính, nhưng không phá được cứ địa. Đến ngày 20 tháng Giêng năm 1887, Đinh Công Tráng dùng thể trận "Hoả dây long trâm" rút khỏi cứ địa an toàn. Giặc liên tiếp truy kích, ông tìm vào Nghệ An để hội với nghĩa quân Phan Đình Phùng xây dựng căn cứ

lâu dài, nhưng đã bị giặc Pháp đón đánh. Cuối cùng, ông đã anh dũng hy sinh vào đêm ngày 5-10-1887 tại Đò Lương, Nghệ An.

14. Đề Yêm (1858 - 1895)

Thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp thời Nguyễn. Tên thật là Đinh Văn Nghiêm, người làng Đồng Lạc, tổng Kim Bảng nay thuộc xã Đồng Hoà, huyện Kim Bảng.

Làm lý trưởng (Lý Nghiêm), nhưng tính tình cương trực, thẳng thắn, thương dân, vì thế ông bị chính quyền thực dân tìm cách hãm hại. Cuối năm 1887, chúng tịch thu tài sản, dỡ và đốt nhà của ông. Trước tình thế ấy, Lý Nghiêm bỏ sang Bãi Sậy (Hưng Yên) theo ngọn cờ khởi nghĩa Cần Vương chống Pháp của Nguyễn Thiện Thuật, đổi tên là Yêm, được chủ tướng phong "Đề đốc quan vụ" nên quen gọi là Đề Yêm. Sau khi Nguyễn Thiện Thuật thoát sang Trung Quốc, ông trở thành thủ lĩnh nghĩa quân. Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân ngày càng phát triển lớn mạnh. Tháng 9-1889, Đề Yêm quyết định lập căn cứ kháng chiến tại vùng Tuyết Sơn nay thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Tây. Thực dân Pháp đem lực lượng bao vây tiến đánh căn cứ này trong suốt một năm mà không tiêu diệt được nghĩa quân. Nhưng trước so sánh lực lượng quá chênh lệch giữa ta và địch, đêm cuối tháng 9 âm lịch năm Canh Dần (năm 1890), Đề Yêm cùng một số tướng lĩnh tâm phúc rút khỏi căn cứ Tuyết Sơn để gia nhập nghĩa quân Đề Thám ở Yên Thế (Bắc Giang). Được Đề Thám trọng dụng, ông trở thành chỉ huy rất dũng cảm và hy sinh trong một trận chiến đấu với giặc Pháp vào cuối năm 1895 tại Yên Thế.

15. Kép Trà (1873 - 1928)

Tên thật là Hoàng Thụy Phương, tên thường gọi là Trà. Ông đi thi đỗ Tú tài hai khoa, nên người ta gọi ông là Kép Trà.

Ông sinh năm Quý Dậu (năm 1873) ở làng Lê Xá nay thuộc xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên. Là đồng môn với Bùi

Kỷ, ông đỗ Tú tài lần thứ nhất năm 1879, đỗ Tú tài lần thứ hai năm 1900 và được cử làm Trưởng tràng.

Tính tình Kép Trà khảng khái, cứng cỏi. Ông luôn hướng ngòi bút vào bọn tham quan ô lại và gọi chúng là bọn "cướp ngày". Cũng như thơ trào phúng của Tú Xương, thơ trào phúng của Kép Trà có tính chiến đấu cao và tính nhân văn sâu sắc, được quần chúng ưa thích. Trong đó, thơ của ông tập trung đả kích tệ nạn tham nhũng, hà hiếp, bóc lột nhân dân của bọn tham quan ô lại một cách trực diện và "chì mặt, đặt tên" một cách cụ thể.

16. Bùi Kỳ (1888 - 1960)

Bùi Kỳ, tên chữ là Ưu Thiên, tên hiệu là Tử Chương, là nhà giáo, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng. Ông sinh năm Mậu Tý (năm 1888) tại Châu Cầu, phủ Lý Nhân trong một gia đình khoa bảng, nho học.

Ông là vị giáo sư đầu tiên dạy ở các Trường cao đẳng sư phạm, Cao đẳng Pháp chính, Trường tư thực Thăng Long, Trường Văn Lang do một số trí thức tiến bộ và cách mạng như: Phan Thanh, Hoàng Minh Giám, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp,... sáng lập. Ngoài dạy học, ông còn là nhà biên khảo. Các công trình biên khảo của ông thường gắn với nội dung dạy và học môn ngữ văn Hán - Việt bậc trung học của nhà trường phổ thông, bao gồm: Quốc văn cụ thể (năm 1932), Hán văn trích thái diễn giảng khoa bản (soạn chung với Trần Văn Giáp năm 1942), Việt Nam văn phạm bậc trung học (soạn chung với Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm năm 1940), Tiểu học Việt Nam văn phạm (soạn chung với Trần Trọng Kim, Nguyễn Quang Oánh năm 1945). Trong đó, nổi bật nhất là Quốc văn cụ thể, trình bày về các hình thức, thể tài các loại thơ văn tiếng Việt truyền thống. Với loại sách biên khảo giáo khoa thư, Bùi Kỳ trở thành một trong những nhà nghiên cứu Việt Nam đầu tiên góp phần hình thành các tri thức về ngữ văn Việt và Hán Việt, các tri thức lịch sử về văn học Việt Nam.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông được mời tham gia Ủy ban Kháng chiến hành chính Liên khu III, giữ chức Chủ tịch Hội liên Việt Liên khu III, Hội trưởng Hội giúp binh sĩ tị nạn Liên khu III. Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh

cử Bùi Kỳ làm Phó ban Ban Lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ, sau làm Trưởng ban Ban Bình dân học vụ toàn quốc, thành viên của Chính phủ. Năm 1954, hoà bình lập lại, ông là uỷ viên Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, uỷ viên Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới, Hội trưởng Hội hữu nghị Việt - Trung.

17. Nguyễn Hữu Tiến (1901 - 1941)

Nguyễn Hữu Tiến sinh ngày 5-1-1901 tại thôn Lũng Xuyên, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên. Ngay từ nhỏ, ông đã là người thông minh, thích đọc thơ văn của nhóm Đông Kinh Nghĩa thực và cụ Phan Bội Châu. Những vần thơ yêu nước đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng của ông. Lớn lên, ông trở thành chiến sĩ cộng sản kiên cường, bị thực dân Pháp kết án tử hình, sau giảm xuống án chung thân, chuyển về giam ở Hoả Lò rồi nhà tù Sơn La, sau đó đày đi Côn Đảo năm 1933.

Tháng 4-1935, Chi bộ Côn Đảo lại quyết định tổ chức cho Nguyễn Hữu Tiến và một số đồng chí vượt biển lần thứ hai về đất liền an toàn. Ông được cử về hoạt động ở Hậu Giang với bí danh Quế Lâm. Sau đó, ông được điều động về Sài Gòn, Chợ Lớn phụ trách cơ quan ấn loát của Đảng.

Lúc này, ở Pháp, lực lượng phản động đã lên nắm quyền thay Mặt trận Bình dân. Thực dân Pháp ở miền Nam tăng cường đàn áp phong trào cách mạng, ráo riết truy lùng những người cộng sản. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Xứ uỷ Nam Kỳ quyết định tổ chức cuộc khởi nghĩa chống lại hoạt động khủng bố của kẻ thù. Các đồng chí trong Xứ uỷ chủ trương cần có một lá cờ làm biểu tượng tập hợp quần chúng cách mạng và nhiệm vụ đó được giao cho Nguyễn Hữu Tiến. Trong ngôi nhà tranh ở xóm Bàn Cờ, Hóc Môn (Gia Định), ông đã trăn trở suy nghĩ, nhiều đêm thức trắng để tìm hình tượng lá cờ cách mạng. Hình ảnh máu đào của các anh hùng, chiến sĩ và quần chúng cách mạng hy sinh vì đất nước dưới ánh sáng soi đường của Đảng đã gợi lên cho Nguyễn Hữu Tiến sáng tác nên lá cờ đỏ sao vàng - Quốc kỳ Việt Nam. Ngày 23-11-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, lần đầu tiên lá cờ cách mạng được phát cao cùng đoàn quân cách mạng, thổi thục quần chúng đấu tranh.

Ngày 30-7-1940, Nguyễn Hữu Tiến bị địch bắt. Ngày 26-8-1941, thực dân Pháp đã đem Nguyễn Hữu Tiến ra xử bắn tại Hoắc Môn, Gia Định.

18. Lương Khánh Thiện (1903 - 1941)

Liệt sĩ cách mạng Lương Khánh Thiện, còn có tên là Trần Xuân Thành. Ông sinh năm 1903. Quê ở làng Mễ Tráng, xã Liêm Chính, huyện Thanh Liêm. Năm 1925, ông cùng đồng chí Hoàng Quốc Việt vận động đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu, sau đó về Nam Định tuyên truyền cách mạng. Năm 1929, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 1-5-1930, sau khi tham gia cuộc biểu tình, ông bị giặc bắt và bị kết án khổ sai chung thân, đày ra Côn Đảo. Năm 1936, được trả tự do, ông tiếp tục hoạt động ở Hà Nội và được cử vào Xứ uỷ Bắc Kỳ, trực tiếp chỉ đạo các cuộc bãi công của Nhà máy Xe lửa Gia Lâm. Đầu năm 1940, ông phụ trách các phong trào yêu nước ở Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên, Hòn Gai, Hải Dương, Hưng Yên và giữ chức Bí thư Thành uỷ Hải Phòng. Tháng 11-1940, ông bị thực dân Pháp bắt tại Hải Phòng rồi đưa về giam giữ tại Hoà Lò (Hà Nội).

Không khuất phục nổi người cộng sản kiên cường, Toà án đế quốc đã kết án tử hình Lương Khánh Thiện và đã xử bắn ông vào sáng 1-9-1941 tại trường bắn Kiến An. Lúc đó ông mới 38 tuổi.

19. Trần Tử Bình (1907 - 1967)

Trần Tử Bình tên thật là Phạm Văn Phu, sinh ngày 01-5-1907 tại thôn Đông Chuối, Tiêu Động Thượng, Bình Lục. Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1925, ông tham gia phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh. Năm 1927, ông ghi tên đi phu ở đồn điền Phú Riềng miền Đông Nam Bộ. Tại đây, ông tham gia Hội Thanh niên Cách mạng Việt Nam. Đến năm 1929, ông tham gia thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên ở đồn điền cao su Phú Riềng và trở thành một trong những người lãnh đạo phong trào ở đó. Năm

1930, ông tham gia lãnh đạo phong trào chống lại giới chủ Pháp, bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Năm 1936, Trần Tử Bình được trả tự do, nhưng vẫn bị quản thúc tại quê nhà. Ở quê, ông tìm cách liên lạc với tổ chức của ta và hoạt động ở địa bàn Bình Lục, sau đó làm Bí thư huyện Bình Lục, đồng thời hoạt động ở 3 tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Tháng 11-1939, làm Bí thư Tỉnh uỷ Hà Nam. Năm 1940, ông được Trung ương Đảng bầu vào Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ. Sau đó bị giặc lần lượt bắt vào năm 1943 và năm 1945, nhưng do không đủ chứng cứ kết tội nên ông lại được trả tự do. Tháng 8-1945, ông tham gia lãnh đạo chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội. Ngày 19-8-1945, ông trực tiếp lãnh đạo một bộ phận tự vệ đánh chiếm Bắc Bộ Phủ. Ngày 27-8-1945, ông được Trung ương Đảng giao cho nhiệm vụ chuẩn bị thành lập trường đào tạo sĩ quan quân đội Việt Nam, nay là Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn (ở Sơn Tây, Hà Tây).

Năm 1948, ông được Nhà nước phong tặng quân hàm Thiếu tướng và trở thành một trong 10 vị tướng đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1951, ông được điều sang làm Chính uỷ Trường sĩ quan lục quân Việt Nam tại Vân Nam (Trung Quốc) kiêm Phó Tổng Thanh tra Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1954, về nước, ông được Đảng, Nhà nước giao cho nhiều trọng trách quan trọng như Tổng Thanh tra Quân đội nhân dân Việt Nam, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Đại sứ đặc mệnh Toàn quyền của Việt Nam tại Trung Quốc, kiêm Đại sứ đặc mệnh Toàn quyền của Việt Nam tại Mông Cổ, Pakistan. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (năm 1960), ông được bầu làm Uỷ viên Trung ương Đảng. Ông là đại biểu Quốc hội trong nhiều khoá.

Tháng 2-1967, ông mất tại Hà Nội, thọ 60 tuổi. Sau khi mất, ông được Quốc hội và Chính phủ truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

20. Phạm Tất Đắc (1909 - 1935)

Phạm Tất Đắc là nhà thơ yêu nước. Ông sinh ngày 15-5-1909, quê ở xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân. Năm 1923,

ông vào học trường Bưởi, đến năm 1926 thì bị đuổi học vì tham gia tổ chức lễ truy điệu Phan Chu Trinh và hô hào bãi khoá. Ít lâu sau, ông làm và in thành sách bài thơ dài *Chiêu hồn nước* (Nhà in Thanh Niên, Hà Nội, 1927). Sách vừa phát hành thì bị cấm. Ông bị đưa ra xử tại toà Trưng Trĩ ở Hà Nội ngày 15-6-1927, nhưng vì mới 17 tuổi nên toà quyết định xử giam ông tại nhà Trưng giới Tri Cự (nay thuộc xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang). Tại đây, ông tiếp tục tuyên truyền chống Pháp và đứng ra tổ chức đánh giám thị nên bị đưa về giam ở Hoà Lò, Hà Nội. Năm 1930, ông được trả tự do, nhưng vì sức yếu nên đã mất ít lâu sau đó.

Tác phẩm *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc là bài ca gồm 198 câu song thất lục bát bày tỏ tình cảnh "nước mất nhà tan" và kêu gọi hành động khôi phục giang san nòi giống:

***Nghĩ thân thế héo hon tắc dạ
Trông non sông lá chã dòng châu
Một mình cảnh vắng đêm thâu
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san***

Chiêu hồn nước vang vọng âm hưởng thơ văn của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX và cũng in dấu tinh thần, tâm trạng của lớp thanh niên học sinh cấp tiến những năm 1920. *Chiêu hồn nước* cũng là tiếng nói bùng nổ của người vị thành niên thiết tha với vận nước.

21. Lê Hồ (1912 - 1945)

Lê Hồ là người làng Cao Mật, Kim Bảng. Ông sinh ra trong một gia đình nông dân, giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng từ rất sớm. Năm 1933, ông được kết nạp Đảng. Ngày 1-5-1938, ông dẫn đầu đoàn đại biểu 30 đảng viên và quần chúng đi dự cuộc mít tinh lớn biểu dương lực lượng của 2,5 vạn nhân dân lao động ở khu Đấu Xảo - Hà Nội. Năm 1940, ông bị địch bắt đưa đi an trí ở trại tập trung Càng Bá Vân, Thái Nguyên. Năm 1942, địch đưa ông về Hà Nam để xét xử, nhưng do sự đấu tranh quyết liệt của những chiến sĩ công sản, cuối cùng địch phải đưa Lê Hồ đi đày ở Sơn La. Tháng 3- 1945, Lê Hồ vượt khỏi nhà tù Nghĩa Lộ -

Sơn La. Tháng 4-1945, Lê Hồ được cử vào Ban cán sự Đảng tỉnh Hà Nam do đồng chí Lê Thành làm Trưởng ban.

Trong lúc không khí sôi nổi chuẩn bị tổng khởi nghĩa tại Hà Nam, đồng chí Lê Hồ qua đời ngày 17-6-1945.

22. Lê Tư Lành (1914 - 1995)

Lê Tư Lành là nhà giáo, nhà nghiên cứu lịch sử nổi tiếng. Ông sinh năm 1914 trong gia đình nho giáo ở Lam Cầu, Duy Tân, Duy Tiên. Lê Tư Lành tốt nghiệp trung học năm 1937 tại trường Bưởi. Sau khi tốt nghiệp, ông dạy học ở các trường tư thục như: Gia Long, Văn Long, Văn Lang,... Bên cạnh việc dạy cho học sinh các kiến thức khoa học về lịch sử, nhà giáo trẻ Lê Tư Lành đã kín đáo khơi gợi lòng yêu nước trong các học sinh.

Tháng 9-1945, ông tham gia Ủy ban Khang chiến Hành chính huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, được Ủy ban hành chính huyện và tỉnh Hà Nam giới thiệu ra ứng cử và đã trúng cử đại biểu Quốc hội khoá đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tháng 2-1950, ông trúng cử Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội khoá I và tháng 10-1956 được tham gia phái đoàn Quốc hội thăm Liên bang Xô Viết. Từ năm 1959 đến năm 1960, ông là uỷ viên Ban Sửa đổi Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh là Trưởng ban. Ông đã biên soạn Sơ lược Quốc hội Việt Nam (năm 1946) và tham gia công tác ở các bộ, các vụ khác.

23. Nam Cao (1917 - 1951)

Nam Cao là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam thế kỷ XX, một trong những người đặt nền móng, một trong những tác gia đầu tiên của nền văn học mới. Một số tác phẩm của ông đã đạt đến độ "cổ điển" của văn xuôi Việt Nam.

Nhà văn Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri sinh ngày 29-10-1917 tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân). Sau khi học hết trung học, ông tiếp tục theo học ở Trường Cửa Bắc, rồi Trường Thành Chung (1930 - 1934). Cuối năm 1935, Nam Cao vào Sài Gòn và bắt đầu viết văn khi

19 tuổi. Những tác phẩm đầu tay là truyện ngắn *Cảnh cuối cùng*, *Hai cái xác*, *Nghèo*, *Đùi mù*, *Những cánh hoa tàn*, *Một bà hào hiệp* với bút danh Thuý Rư.

Năm 1938 - 1939, Nam Cao trở ra Bắc, vừa dạy học vừa tiếp tục sáng tác với các bút danh Xuân Du, Nguyệt. Năm 1941, ông in tập truyện đầu tay *Đôi lứa xứng đôi* lấy bút danh Nam Cao. Năm 1942, Nam Cao trở về làng quê Đại Hoàng sống với nghề viết văn. Năm 1943, ông in tập truyện ngắn *Nửa đêm*. Ngoài ra, ông còn một loạt truyện dài chưa in, trong đó có tiểu thuyết *Sống mòn*.

Nam Cao gia nhập Hội Văn hoá Cứu quốc (tháng 4-1943). Trong Cách mạng Tháng Tám 1945, Nam Cao tham gia cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân, được cử làm chủ tịch xã đầu tiên của chính quyền mới ở địa phương.

Năm 1946, Nam Cao ra Hà Nội hoạt động trong Hội Văn hoá Cứu quốc, làm Thư ký toà soạn Tạp chí Tiên Phong. Rồi ông lên đường tham gia đoàn quân Nam tiến với tư cách phóng viên. Thời kỳ này, ông chuyển sang mô tả cuộc sống từ cái nhìn của người cách mạng: bắt đầu từ những truyện ngắn *Mò sâm banh*, *Cách mạng*, *Nổi truân chuyên của khách má hồng* tiếp đến là bút ký *Đường vô Nam (1945 - 1946)*. Ông cũng tập hợp các sáng tác trước đó in thành tập *Cười* (Nhà xuất bản Minh Đức), cho in lại truyện *Chí Phèo* (trong tập *Luống cày* do Hội Văn hoá Cứu quốc xuất bản).

Ông tham dự Đại hội Văn hoá Cứu quốc toàn quốc lần thứ hai (năm 1946), tham dự Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ nhất tại Hà Nội (ngày 24-11-1946).

Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Nam Cao về hoạt động ở quê, nhận công tác ở Ty Văn hoá Hà Nam, làm báo *Giữ nước và Cờ chiến thắng*. Năm 1947, Nam Cao lên Việt Bắc làm phóng viên rồi thư ký toà soạn báo *Cứu quốc*, viết *Nhật ký ở rừng*. Năm 1948 tại chiến khu Việt Bắc, nhà văn Nam Cao gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Truyện ngắn *Đôi mắt* viết thời kỳ này được xem như tuyên ngôn nghệ thuật mới của ông. Tháng 9-1951, Nam Cao về dự Hội nghị văn nghệ Liên khu III, sau đó vào Khu IV công tác.

Trở về từ khu IV, Nam Cao lại xung phong vào vùng địch hậu khu III với đoàn công tác thuế nông nghiệp. Ông có ý định kết hợp lấy thêm tài liệu cho cuốn tiểu thuyết về quê hương. Nhưng đoàn thuyền đưa đoàn cán bộ đã löt

vào ổ phục kích của giặc. Nam Cao hy sinh ngày 30-11-1951. Ghi nhận những đóng góp của ông đối với nền văn học dân tộc, Nhà nước đã truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I (1996) cho nhà văn liệt sĩ Nam Cao.

24. Nguyễn Lam (1921 - 1990)

Nguyễn Lam (tức Lê Hữu Vy) là nhà hoạt động chính trị, từng giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ. Ông sinh ngày 31-12-1921 tại Đại Cầu, Tiên Tân, Duy Tiên.

Năm 1937, Nguyễn Lam thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng, xây dựng phong trào bí mật khi mới 16 tuổi. Ông được Xứ uỷ Bắc Kỳ phân công hoạt động gây cơ sở ở các tỉnh đồng bằng. Năm 1940, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tù vì tội chống lại nhà nước bảo hộ, giam ở Hoà Lò, sau đó bị đày lên nhà lao Sơn La.

Trong tù ngục, người thanh niên yêu nước Nguyễn Lam đã biến nhà tù của đế quốc thành trường học của chủ nghĩa cộng sản và được tổ chức Đảng nhà tù kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1943. Đầu năm 1945, sau khi ra tù, ông được Xứ uỷ Bắc Kỳ bố trí làm "công tác đội" (tìm nhân mối, bố trí cho tổ chức đảng bám rễ vào cơ sở và tổ chức lực lượng chuẩn bị tổng khởi nghĩa).

Đến tháng 8-1945, ông tham gia chỉ đạo cướp chính quyền ở Phúc Yên, Bắc Ninh. Năm 1946, toàn quốc kháng chiến, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Nam Định, Ninh Bình. Năm 1947, theo chủ trương kháng chiến lâu dài, ông được Đảng cử thành lập khu 14 (thuộc chiến khu Việt Bắc), trực tiếp làm Bí thư Khu uỷ. Năm 1948, ông được điều sang Ban Dân vận Trung ương. Năm 1949, ông được bầu làm Bí thư thứ nhất Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam. Năm 1961, ông giữ chức Bí thư Thành uỷ Hà Nội.

Tại Đại hội III của Đảng, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sau đó chuyển sang làm Bí thư Đảng đoàn Bộ Công nghiệp, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp. Từ năm 1968, ông làm chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học. Uỷ ban Vật giá Nhà nước, tham gia Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trong giai đoạn 1972 - 1975, ông giữ chức Bí thư Thành uỷ Hà Nội. Sau kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ông được cử giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ.

CELEBRITIES of Ha Nam

Sitting in the heart of the Red River delta, Ha Nam reminds us of not only the supernatural land with the nation's historical and legendary names of Chau river, Doi mountain, Ba Danh pagoda, Truc temple, Ngu Dong mountains, etc. but also birthplace of eminent people. They were the military leaders, politicians, diplomatists, culturists, scientists, strong-willed revolutionary scholars, heroes, trade ancestors, and so on. Together with their talents and personal dignity, they have brought fame to their beloved hometown of Ha Nam.

1. Nguyet Nga (14 - 43)

She was a general at the time of Hai Ba Trung (the two ladies Trung). She was also considered the ancestor of sericulture in Tien Phong. It is said that she was born in Duong Mong, today's Tien Phong commune, Duy Tien district and her name was Nang Nga. When her parents passed away, she came to live with her aunt (who got married to the man in Dau river in Vu Ninh) and be an apprentice to sericulture and martial arts. Someone tended to hold and give up her to Governor To Dinh, Nang Nga resigned herself to returning Duong Mong. Here, she trained local people with the sericulture and recruited young people to rise up and give a helping hand to Hai Ba Trung insurrection in Me Linh. Troops of To Dinh ran

away. Trung Trac came to the throne. Nang Nga was appointed as Nguyet Nga princess and an assistant to Hai Ba Trung.

Some years later, Han dynasty assigned Ma Vien to command troops to our country. Hai Ba Trung contended for a short period of time and sacrificed their life in the battle by the bank of Hat river. Nguyet Nga escaped death and ran to take shelter in Luong Dong, near Duong Mong. One year later, she was encircled by Ma Vien troops and died on September 9th according to the lunar calendar (in 43). The villagers of

Duong Mong and Luong Dong set up a temple dedicated to Nguyet Nga. The local residents of Duong Mong (Tien Phong commune, Duy Tien district, Ha Nam province) recognised her as "Loa to" - an ancestor of sericulture. At the temples to Nguyet Nga, famous scholars of following generations wrote down parallel sentences singing the praise of her contributions "to the people and nation".

2. Trang Sam Nguyen Duc Nang (925 - 990)

He was a forefather of Doi Tam drum making trade in Doi Tam village, Doi Son commune, Duy Tien district. According to legend, two brothers named Nguyen Duc Nang who was the elder and Nguyen Duc Dat. the

younger worked as drum carriers. Once passing by Doi Tam, they happened to see a lot of jackfruits with yellow timber free from wood-boring worm and decided to choose the region as fixed residence to practise their trade and hand it over to the local villagers. One day, Doi Tam villagers heard about the trip of King Le Dai Hanh to the village to do the very first farming work to serve as a model - a form of agricultural extension, Mr. Nang and his brother made a special drum by themselves to welcome the king. The oldest jackfruit and two nicest sheets of buffalo skin were put in use. The drum was finished in the spring of 987. The drumbeat was as resounding as the thunder is. That's why he is called Trang Sam by the younger generations.

Trang Sam Nguyen Duc Nang laid down his life on the 17th of the fourth lunar month (in 990). After his death, Doi Tam people saw him as the trade ancestor - tutelary God of the village. Thanks to the renowned drum making trade, King Ly Thai To sent Doi Tam residents to the capital to make drums and erected Hang Trong street in Hanoi today.

3. Le Tien Hoang (941 - 1005)

Le Tien Hoang (also called Le Hoan) was born in a poor family in Bao Thai village, Thanh Liem - today's Liem Can commune, Thanh Liem district. His father died early and his mother was forced to earn her living as a beggar with his son on the back. Coming across An Sat (a feudal provincial mandarin in charge of criminal cases) Le Dot (from Chau Ai), Le Hoan was adopted as his foster child and well educated. When Le Dot died, Le Hoan reached the age of 16 only. Recalling his mother's words, Le Hoan returned to his home village of Bao Thai and opened classes. He made close friends with the heroes of Nguyen Minh Quang and Dinh Dien, enlisted troops and led into Hoa Lu to help Dinh Bo Linh to sweep away 12 war lords. Thanks to immeasurable contributions to the nation, Le Hoan was designated as Thap dao tuong quan (commander-in-chief) by King Dinh Tien Hoang. In

979 (year of Cat), the King was murdered by mandarin Do Thich. His 6-year-old son Dinh Due took the throne and Le Hoan became the regent.

When Tong Chinese dynasty prepared to annex the country, Le Hoan appointed Pham Cu Luong as the top-ranking general of soldiers to lead the fight against enemy. Mr. Luong and other generals unanimously proclaimed Le Hoan the king to take over Dinh dynasty. He ascended the throne in 980 (the year of Dragon).

He stayed at the throne for 26 years under the names of Thien Phuc (980 - 988), Hung Thong (989 - 993) and Ung Thien (994 - 1005).

4. Tran Thu Do (1194 - 1264)

Born in 1194 (year of Tiger), Tran Thu Do held the post of great tutor at the Tran dynasty. He was extraordinarily talented military leader and politician who took a very important role in founding the Tran dynasty. He came from the South with the feudal tenure in Quac Huong, present-day Binh Luc, Ha Nam.

Initially, he worked as a fisherman in Yen Sinh (Dong Trieu) but he was excellent at politics. At the time of disturbances, Tran Thu Do, Tran Ly and Tran Thua exerted themselves to support crown prince Sam at the reign of Ly. Tran Ly married his daughter Tran Thi Dung to the crown prince. Thereof, when crown prince Sam mounted the throne under the name of Ly Hue Tong, Tran family was used at an important function. In 1224, Tran Thu Do was named for the position of Dien Tien chi huy su (commander-in-chief of army corps) and then led army forces to guard the capital city.

Ly Hue Tong abdicated in favour of his 8-year-old daughter Princess Chieu Thanh (or Ly Chieu Hoang). At that time, the king was a small child, the power belonged to Tran Thu Do. Hence, he and his cousin Tran Thua managed to wed Tran Bo (or Tran Canh, a son of Tran Thua) to Ly Chieu Hoang and pressed her to cede the throne to Tran Canh, building up the kingship of the Tran dynasty in late 1225 (the year of Cock) and early 1226 (year of Dog).

After the establishment of the Tran dynasty, Tran Thu Do held office as the Thai su (Great tutor), in 1234 (the year of Horse), he became Thong quoc Thai su (royal chancellor) who was a good ruler to run the country. He was courageous and talented in coping with momentous political and military affairs and had power over everybody. Nevertheless, he was not keen to be a king to gain immediate fame and wealth but targeted to the nation's prosperity and long-term career for the next generations of the Tran dynasty.

Tran Thu Do was very familiar with Chau river since he used to catch fish with his father when he was small. Later, when he entered the court, he selected Quac Huong (today's Binh Luc district) to set up the feudal tenure to enjoy life. He departed from life in January of 1264 (year of Mouse) at the age of 70. Quac Huong feudal tenure is now home to tomb and temple to him.

5. Tran Binh Trong (1259 - 1285)

He was a general at the reign of Tran. His ancestor used to bear Le family name, the descendant of Le Dai Hanh. When Tran Binh Trong's paternal grandfather became a mandarin, Tran Thai Tong allowed him to have the same family name of Tran as the king's. Tran Binh Trong came from Bao Thai commune, today's Liem Can commune, Thanh Liem district.

He had empty promise and was conferred a title of Bao Nghia hau (loyal marquis). When Mongo - Yuan enemy intruded upon our country, Tran Binh Trong stayed here to block the enemy in Thien Truong while Hung Dao Vuong took the King Tran and his father to prepare forces to combat aggressors.

On January 21st 1285 (year of Cock), Tran Binh Trong commanded his men to fight against Mongol - Yuan troops in Tuc Mac ground. Being captured in the end and enticed into surrender by enemy with a promise to confer him a title in China, he answered intrepidly: "Rather being the demon of South than being the king of North". Tran Binh Trong was put to death by the invaders when he

was only 26. He was honoured posthumously as Bao Nghia vuong (loyal aristocrat).

6. Tran Khanh Du (1246 - 1329)

He was also a military leader at the Tran dynasty and served as an ancestor of Nha Xa silk spinning trade. As an eminent general in the resistance wars against Mongol - Yuan aggressors, Tran Khanh Du was offered feudal tenure in Nha Xa, Duy Tien. After the third triumph over Mongo - Yuan enemy, he returned to Nha Xa village and led a religious life at the pagoda. Also at that time, he handed down the silk spinning trade to Nha Xa villagers. At first, people wove a kind of materials to make fishing racket (Nha Xa used to pick up a species of small young fish on Red River and make them breeding fish in pond). Gradually, it developed into the silk spinning trade as it is today.

7. Truong Han Sieu (1274 - 1354)

Born on November 25th 1274 (year of Dog) in Yen Ninh district, Truong Ninh street, today's Ninh Binh town, Truong Han Sieu was a scholar and mandarin at the Tran dynasty cum the ancestor of Cao Da carpentry. When he was young, he was a fellow of Tran Quoc Tuan and joined in the second and third fight against Mongol - Yuan enemy. In 1308, he was appointed as Han lam vien hoc si (mandarin's title in the feudal regime) by King Tran Anh Tong. At the time of Kings Tran Minh Tong and Tran Hien Tong, he held the posts of emissary, doctor subordinate, respectively. He left one poetic essay, seven poems and two chronicles. Among them, "*Bach Dang giang phu*" (Ode on Bach Dang river) and "*Duc Thuy son*" are best known.

Truong Han Sieu used to stroll here and there to enjoy himself. Once passing by Cao Da in Ly Nhan district, Nam Xang town, he found here a fascinating land with poetic landscapes and ingenuous people, he determined to stay in Quy Du village (Cao Da). Here, he gave money to local people to enable them to repair houses

and purchase farming tools and buffaloes and cows for production. From the improvement of pagodas, temples and houses and the opening of school, he invited some skilled carpenters to work in the village. Then, he encouraged them to hand down the carpentry to the villagers under his sponsorship. The groups of carpenters learned and practised the trade around the region and then worked far from home, gaining increasing prestige. The carpentry in Cao Da has surged up soon. Thanks to their marvellous professional skills, the carpenters from Cao Da have been called on to the court to build the palace. Bearing gigantic contributions by Truong Han Sieu in mind, after his decease, Cao Da villagers formed a temple and proclaimed him the ancestor of the carpentry.

8. Tran Khat Chan (1370 - 1399)

Also, he was a military leader at the Tran dynasty, a lineage of Tran Binh Trong (in Liem Can, Thanh Liem) and then unintentionally moved to Thanh Hoa. He started his life in 1370 (year of Dog) and had the merit of helping Tran Nghe Tong expel the south-eastern invader.

9. Trinh Thuan Du (1402 - 1481)

His real name was Tran Thuan Du, then renamed Trinh Thuan Du. Mat Le was his pen name. Coming from Tan Doi, Duy Tan - today's Doi Son commune, Duy Tien district, Trinh Thuan Du passed Minh Kinh examination of 1429, Thuan Thien 2, at the reign of Le Thai To. In 1433 (year of Buffalo), he was appointed *Chanh su* (Chief envoy) to a mission to Ming. He ever held the positions of *Tuy luc dai phu nhap noi hanh khien* (equivalent to Prime Minister), *Han lam vien thua chi* (academy official), *Tri tam quan su kiem Khu mat vien su* (high-ranking mandarin in charge of foreign embassies' affairs, and intelligent affairs), *Nhap thi kinh dien* (a high post in the feudal regime).

He left different works namely *Son thuy hanh ngam*, *Bac du chi*, *Y gia thu sac*, etc. He laid down his life in 1481 (year of Buffalo) at 79.

10. Le Tung (Duong Bang Ban, 1452 - 1514)

His real name was Duong Bang Ban. He originated from An Cu village, present-day Liem Thuan commune, Thanh Liem district. He first saw the light in 1452, passed Hoang Giap examination in 1484 at the reign of King Le Thanh Tong and conferred "Quoc tinh" (a noble title). His name was, therefore, changed into Le Tung.

At his time, he undertook key diplomatic positions. He was named for the assistant envoy to Ming in 1493 and Chanh su in 1506. In 1509, he successfully assisted Le Tuong Duc to battle with Le Uy Muc and was nominated for the posts of Thuong thu bo Le (Minister of Rites), and glorious positions of tuoc Don thu ba, Dong cac dai hoc si kiem Quoc tu giam te tuu.

Le Tung was the author of illustrious work *Viet giam thong khao tong luan* (in 1514) - an outline of *Viet giam thong khao* by Vu Quynh (1453 - 1512).

11. Bui Van Di (1833 - 1895)

Bui Van Di or An Nien came from Chau Cau village, Kim Bang district, Ly Nhan town, Hanoi province, today's Chau Cau street, Phu Ly town, Ha Nam province. Originally, his own native place was Trieu Dong commune, Thuong Phuc district, Thuong Tin town (present-day Thuong Tin district, Ha Tay province). Since the time of Le Mat, he started to live and work in Chau Cau and passed the examinations at the sixth generation of the family. Bui Van Di and his cousin Bui Van Que both became Pho bang (the second best examinee) at the examination of the 18th year of Tu Duc reign (1865).

Bui Van Di was successively appointed as the chief of Lang Tai, Viet Yen and Yen Dung districts (Bac Ninh province), An sat of Ninh Binh and then a member of cabinet. In 1876, he was nominated for the post of Chanh su to Qing. At the end of 1878, he was again called on to the cabinet and entrusted to mark papers of students engaging in metropolitan and palace examinations in the feudal

education system. In 1881, he was a high-ranking mandarin in charge of Nha Thuong bac (a ministerial office). When French troops extended their attack to the North, Bui Van Di submitted a petition for fight and was named for *Kham sai pho kinh luoc xu Bac Ky* (king's special envoy to North Vietnam). He directly commanded the battle on March 13th 1883 blocking French forces from the peripheral Hanoi. After that, he was chosen as Tham tan quan thu Bac Ninh (Army Counselor to Bac Ninh). The signing of capitulation by Nguyen dynasty on August 25th 1883 made him broken and got sick. He refused the position of Tong doc (provincial chief) of Ninh Thai and lived the life of a recluse in Thanh Hoa. In early 1884, he was offered the post of a mandarin specialising in teaching Kings Kien Phuc and Ham Nghi. In 1885, his sickness forced him to be in convalescence in Thanh Hoa. To the end of 1887, he was called to the court to work as Phu chinh dai than (a high-ranking mandarin). On this occasion, he was exceptionally granted the title of Doctor at the examination of 1865 (year of Buffalo). In 1890, he resigned his posts as Thuong thu bo lai (Minister of Interior) and Phu chinh dai than but held offices as Phu dao dai than (Tutor of the prince) and Pho tong tai Quoc su quan (Assistant chief of national historiographer's office). He was responsible for previewing the book of 300 historical poems by King Tu Duc. After the completion of the job, Bui Van Di died when he was still in office at Quoc su quan (national historiographer's office).

His works were compiled in the books namely *Van ly hanh ngam*, *Du Tien thi thao*, *Ton Am thi sao*, *Du Hien tung but*, *Tri chu thu xuong tap*, etc. These are patriotic poetic and literary works depicting anxiety and grief for the country's weakness against the evil intentions and strength of invaders.

12. Nguyen Khuyen (1835 - 1909)

Nguyen Khuyen was a great poet of Vietnam and one of the typical examples for medieval Vietnamese literature. He was also a strong-willed patriotic scholar of great dignity.

His real name was Nguyen Van Thang whose pen-names were Que Son or Mien Chi. He was born on February 15th 1835 in his mother's hometown in Hoang Xa village, Y Yen district, Nam Dinh province. However, he spent most of his life in his father's hometown in Va village (or Vi Ha), Yen Do commune, Binh Luc district (present-day Trung Luong commune, Binh Luc district). Ha Nam province. Coming from an intellectual family of the both sides, Nguyen Khuyen was famous for his intelligence since he was a little child. Unfortunately, he lived in a poor family and his father died early, therefore, he reluctantly broke off his study and worked as a tutor to earn money to support his mother. Later, he was adopted as a foster child of doctoe Vu Van Ly from Thanh Liem district (Ha Nam) and received a good education. In 1864 (year of Mouse), Nguyen Khuyen came first at the first-degree examination at provincial level. In 1871 (year of Goat), he became the first laureate at the second pre-court competition examination. He continued to be the first laureate at court competition examination.

Being ranked first on the list for all of three examinations, he was offered a banner with the words "Tam nguyen" (first winner of the three competitive examinations) by King Tu Duc. He was appointed a mandarin in the cabinet of Hue, provincial education officer in Thanh Hoa and An Sat in Nghe An, and Bo chanh (provincial treasurer) in Quang Ngai in 1887. In 1879, he was called on to the capital city to undertake the post of Truc hoc si and Toan tu Quoc su quan. In December 1883, France attacked Son Tay. Tong doc of Son Tay, Nguyen Dinh Nhuan ran to Hung Hoa and joined in the Nguyen Quang Bich insurgent army. At that time, Nguyen Huu Do, pro-French Kinh luoc (Viceroy) of the North Vietnam planned to designate Nguyen Khuyen as Tong doc of Son Tay. Nonetheless, he gave a flat refusal using his bad sore-eyes as a reason and left office to go into a retreat in his native village. The French colonialists and their henchmen continually tempted Nguyen Khuyen to enter the government but no acceptance was found at all. In January 1909 (the year of Cock), he laid down his life in his home village at 74. He left some 300 poems in Han script and Demotic